

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA

HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Mục đích

- Nắm được đối tượng, phương pháp nghiên cứu;
- Hiểu được ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

II. Yêu cầu

- Nắm được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh; đối tượng và phương pháp;
- Nắm được mối quan hệ môn học này với môn học “Những nguyên lý cơ bản của CNM-LN” và “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”;
- Nắm được ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.

III. Nội dung

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

Đại hội VII ĐCSVN đã khẳng định: Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, đã tổng kết như là một định nghĩa:

“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại”.

Trong định nghĩa này, Đảng ta đã bước đầu làm rõ:

- Bản chất cách mạng và khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh: Đó là hệ thống các quan điểm lý luận phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và của dân tộc Việt Nam.

- Nguồn gốc tư tưởng, lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh: chủ nghĩa Mác-Lênin; giá trị văn hóa dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Nội dung cơ bản nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm những vấn đề có liên quan trực tiếp đến cách mạng Việt Nam.

- Giá trị, ý nghĩa, sức hấp dẫn sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh là soi đường thắng lợi cho cách mạng Việt Nam; tài sản tinh thần to lớn của dân tộc.

Dựa vào định hướng cơ bản của Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, các nhà nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa; là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là sự kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người”*¹

Có hai phương thức tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh như một hệ thống tri thức tổng hợp.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm về cách mạng Việt Nam.

Tài liệu này vận dụng phương pháp tiếp cận thứ hai.

Nội dung cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Đối tượng nghiên cứu

Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb. CTQG, HN, 2003, tr.19

Đối tượng nghiên cứu của tư tưởng Hồ Chí Minh:

- Hệ thống quan điểm, lý luận về cách mạng Việt Nam trong thời đại mới mà cốt lõi là tư tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.
- Là quá trình vận dụng, hiện thực hóa các quan điểm, lý luận đó trong thực tiễn cách mạng Việt Nam
- Về mối quan hệ biện chứng của tư tưởng độc lập tự do với tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người;
- Về độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, về các quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhiệm vụ của bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh là làm rõ:

- Cơ sở khách quan và chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
- Các giai đoạn hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nội dung, bản chất cách mạng và khoa học, của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Vai trò nền tảng kim chỉ nam hành động của Tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam;
- Quá trình nhận thức, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng của Đảng và Nhà nước ta.
- Các giá trị tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng tư tưởng, lý luận của cách mạng thế giới của thời đại.

3. Mối quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Quan hệ với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin

- Chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận trực tiếp quyết định bản chất cách mạng, khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh..

- Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc hệ tư tưởng Mác-Lênin. Là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện thực tế Việt Nam.

- Vì vậy môn tư tưởng Hồ Chí Minh và Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin có mối quan hệ biện chứng, thống nhất.

b. Quan hệ với môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hồ Chí Minh là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam; Người sáng lập, giáo dục, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận tư tưởng của Đảng, nhưng với tư cách là bộ phận nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng,

- Nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học để nắm vững kiến thức về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Như vậy, môn học tư tưởng Hồ Chí Minh gắn bó chặt chẽ với môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học chủ nghĩa Mác Lênin và các quan điểm có giá trị phương pháp luận của Hồ Chí Minh.

Các nguyên lý triết học Mác – Lênin, với tư cách là phương pháp luận chung của các ngành khoa học.

Một số phương pháp luận trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Đảm bảo sự thống nhất nguyên tắc tính Đảng và tính khoa học

- Trên lập trường quan điểm, phương pháp luận của nghĩa Mác-Lênin và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo đảm tính khách quan khi phân tích, lý giải và đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh, tránh áp đặt hoặc cường điệu hóa tư tưởng của người.

- Tính đảng và tính khoa học thống nhất với nhau trong sự phản ánh trung thực khách quan, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở lập trường, phương pháp luận và định hướng chính trị.

b. Quan điểm thực tiễn và nguyên tắc lý luận gắn với thực tiễn

- Chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định: thực tiễn là nguồn gốc, động lực và mục đích của nhận thức, là tiêu chuẩn của chân lý.
- Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn bám sát thực tiễn cách mạng dân tộc và thế giới, coi trọng tổng kết thực tiễn, coi đây là biện pháp nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, và là điều kiện để nâng cao trình độ lý luận.
- Người cũng đặc biệt coi trọng việc kết hợp lý luận với thực tiễn, lời nói đi đôi với việc làm.
- Hồ Chí Minh khẳng định: thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng, dễ mắc chủ quan; lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông.

Vì vậy, nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh cần quán triệt quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn, học đi đôi với hành.

c. Quan điểm lịch sử - cụ thể

- Cùng với chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử phải được vận dụng vào việc nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Quan điểm lịch sử - cụ thể nghĩa là xem xét một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào ?

d. Quan điểm toàn diện và hệ thống

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam, do vậy phải luôn quan triệt mối quan hệ qua lại của các yếu tố, các nội dung khác nhau trong hệ thống tư tưởng đó, và phải lấy hạt nhân cốt lõi là tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng độc lập, tự do dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- Trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, cần nắm vững hệ thống các quan điểm của người. Nếu tách rời một yếu tố nào đó khỏi hệ thống thì sẽ hiểu không đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh.

e. Quan điểm kế thừa và phát triển.

Nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi không chỉ biết kế thừa, vận dụng mà còn phải biết phát triển sáng tạo tư tưởng của người trong điều kiện lịch sử mới, trong bối cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

g. Kết hợp các tác phẩm với thực tiễn chỉ đạo cách mạng của Hồ Chí Minh.

- Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ căn cứ vào các tác phẩm, bài viết, bài nói mà cần coi trọng thực tiễn của người, thực tiễn cách mạng dưới sự tổ chức lãnh đạo của Đảng do Người đứng đầu.

- Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trước hết là sự sáng tạo về tư duy lý luận, về chiến lược, về đường lối cách mạng, điều đó giữ vai trò quyết định hàng đầu dẫn đến thắng lợi cách mạng.

- Tư tưởng lý luận cách mạng Hồ Chí Minh đã góp phần làm phong phú thêm và phát triển lý luận cách mạng của thời đại.

2. Các phương pháp cụ thể

- Phương pháp lịch sử (quá trình phát sinh, tồn tại, phát triển).

- Phương pháp logic (tìm ra bản chất và khái quát thành lý luận).

- Phương pháp liên ngành trong khoa học xã hội – nhân văn.

- Các phương pháp khác như: phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, thống kê, văn bản học, điều tra xã hội học, phỏng vấn nhân chứng lịch sử...

III. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU MÔN HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỌC SINH

1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác

Học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng củng cố cho sinh viên, thanh niên lập trường quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tích cực,

chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước ta, biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện bản lĩnh chính trị

Tư tưởng Hồ Chí Minh giáo dục đạo đức, tư cách cán bộ, đảng viên và toàn dân biết sống hợp đạo lý, yêu cái tốt, ghét cái ác, cái xấu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh giúp nâng cao lòng tự hào về người, về Đảng Cộng sản về Tổ quốc Việt Nam, tự nguyện “sống chiến đấu, lao động và hoạt động theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Câu hỏi ôn tập

1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.
2. Cho biết mối quan hệ giữa môn học này với môn học “Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin” và môn “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”.

Chương 1

CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. Mục đích

- Hiểu được cơ sở, quá trình hình thành, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh

II. Yêu cầu

- Làm rõ cơ sở khách quan, nhân tố chủ quan và quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh qua 5 giai đoạn.
- Thấy được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và với sự phát triển của thế giới.

III. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc, các sĩ phu Nho học có tư tưởng tiến bộ, thức thời, tiêu biểu như: + Phan Bội Châu, đã cố gắng tổ chức và vận động cuộc đấu tranh yêu nước chống Pháp theo mục tiêu và phương pháp mới. Song, chủ trương cầu ngoại viện, dùng bạo lực để khôi phục độc lập đã thất bại. + Phan Chu Trinh chủ trương ý Pháp cầu tiến bộ, khai thông và nâng cao dân trí, trên cơ sở đó mà dần dần tính chuyện giải phóng.... cũng không thành công. + Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng cốt cách phong kiến; chưa phải là lối thoát rõ ràng, hướng đi đúng đắn,	I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở khách quan a. Bối cảnh lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh - Bối cảnh lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX + Triều đình nhà Nguyễn khuất phục trước cuộc xâm lược của tư bản Pháp; + Cuối thế kỷ XIX, các cuộc khởi nghĩa vũ trang dưới khẩu hiệu “Cần Vương”, do các Sĩ phu, văn thân lãnh đạo, cuối cùng cũng thất bại, hệ tư tưởng phong kiến đã tỏ ra lỗi thời trước các nhiệm vụ lịch sử;

⇒ Đã lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập chính quyền xô viết, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người. Cuộc Cách mạng vô sản ở nước Nga thành công đã nêu một tấm gương sáng về sự giải phóng các dân tộc bị áp bức, mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, nhiều dân tộc vốn là thuộc địa của Đế quốc Nga đã được tự do, được hưởng quyền dân tộc tự quyết, hình thành nên các quốc gia độc lập, và dẫn tới sự ra đời của liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (1922).	+ Công cuộc khai thuộc địa của thực dân Pháp => sự biến chuyển và phân hóa, giai cấp công nhân, tầng lớp tiểu tư sản và tư sản bắt đầu xuất hiện => tạo ra những tiền đề bên trong cho phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. + Những ảnh hưởng trào lưu cải cách của Nhật bản, Trung Quốc tràn vào Việt Nam, phong trào yêu nước của nhân dân ta chuyển dần sang xu hướng dân chủ tư sản. - Bối cảnh thời đại: + Chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do chuyển sang giai đoạn độc quyền; + Cách mạng Tháng 10 Nga năm 1917 đã làm “thức tỉnh các dân tộc châu Á”; + Sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (3-1919)
- Trình bày và phân tích các truyền thống của dân tộc Việt Nam: yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm, ý chí đấu tranh chống quân xâm lược... => Khẳng định truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam - Nét đặc sắc ở Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành nhân cách và văn hóa Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà văn hoá phương Đông với văn minh phương Tây	b. Các tiền đề tư tưởng, lý luận - Truyền thống dân tộc + Truyền thống yêu nước, kiên cường, đấu tranh dựng nước và giữ nước; + Tinh thần nhân nghĩa, tương thân, tương ái, cố kết cộng đồng dân tộc; + Tinh thần lạc quan yêu đời; + Ý chí vươn lên vượt qua thử thách, thông minh, sáng tạo, quý trọng hiền tài, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc... ⇒ Trong những giá trị nói trên, chủ nghĩa yêu nước là cốt lõi.

- Người đã chắt lọc lấy những gì tinh túy nhất trong các học thuyết triết học hoặc những tư tưởng của Khổng tử, Lão Tử, Mặc Tử, Tôn Trung Sơn... - Phương Tây: tư tưởng của các nhà khai sáng như: Xanhximôn, Furie, Oen, những tư tưởng tiến bộ của Thiên Chúa giáo - Chủ nghĩa Mác – Lênin	- Tinh hoa văn hoá nhân loại + Tư tưởng văn hóa phương đông; + Tư tưởng và văn hoá phương Tây; + Chủ nghĩa Mác – Lênin ⇒ Khẳng định chủ nghĩa Mác – Lenin là quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định nhất đối với việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
Hoạt động trong và ngoài nước với thực tiễn dân tộc và thời đại giúp người có hiểu biết sâu sắc, hình thành những cơ sở quan trọng để tạo dựng nên những thành công trong hoạt động lý luận của Người. Trong quá trình tìm đường cứu nước Hồ Chí Minh đã khám phá quy luật vận động xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc trong hoàn cảnh cụ thể để khái quát thành lý luận, đem lý luận trở lại phục vụ thực tiễn. Nhờ đó mà lý luận Hồ Chí Minh có giá trị, cách mạng và khoa học.	2. Nhân tố chủ quan - Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh; - Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn: + Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo cộng với đầu óc phê phán tinh tường, đánh giá các sự vật, sự việc; + Bản lĩnh kiên định, lòng tin vào nhân dân, tinh thần khiêm tốn, ham học, nhạy bén với cái mới, có phương pháp biện chứng và đầu óc thực tiễn; + Sự khổ công học tập để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức nhân loại; + Có tâm hồn của một nhà yêu nước, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân bao la sâu sắc, sẵn sàng chịu đựng những hy sinh cao nhất, vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào.
- Hồ Chí Minh lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành sinh 19-5-1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước, sống gần gũi với dân;	II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Thân phụ Người, ông Nguyễn Sinh Sắc là một nhà nho cấp tiến, có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc; - Thân mẫu, Bà Hoàng Thị Loan có tính nhân hậu, đảm đang, sống chan hòa với mọi người cũng đã ảnh hưởng sâu sắc đến Nguyễn Sinh Cung; - Anh chị của Bác (chị Nguyễn Thị Thanh, anh Nguyễn Sinh Khiêm) có lòng yêu nước, thương nòi sâu sắc đã ảnh hưởng tới sự hình thành nhân cách của Người; - Bác đã tiếp thu những truyền thống của Nghệ Tĩnh, là nơi giàu truyền thống lao động, văn hóa, chống ngoại xâm với nhiều anh hùng (Mai Thúc Loan, Nguyễn Biểu, Đặng Dung, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu...); - Chứng kiến tận mắt cuộc sống lầm than, chứng kiến cảnh nhân dân ta bị áp bức, bóc lột đến cùng cực; - Những bài học thất bại của các nhà yêu nước tiền bối, đã thúc đẩy Bác ra đi tìm đường cứu nước, phải tìm hiểu rõ bản chất của “Tự do - Bình đẳng - Bác Ái” của nước Pháp.	1. Thời kỳ trước năm 1911: hình thành tư tưởng yêu nước, chí hướng cứu nước + Đây là giai đoạn Nguyễn Sinh Cung tiếp nhận truyền thống yêu nước và nhân nghĩa của dân tộc; hấp thụ vốn văn hoá Quốc học, Hán học và bước đầu tiếp xúc với văn hoá phương Tây; chứng kiến cuộc sống khổ cực của nhân dân và tinh thần đấu tranh bất khuất của cha anh, hình thành hoài bão cứu nước, muốn đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước.
- Đây là thời gian NTT đi qua rất nhiều nước và Người nhận ra rằng: “Ở đâu nhân dân lao động cũng là bạn, ở đâu chủ nghĩa đế quốc cũng là thù” - 18/6/1919: Bác lấy tên Nguyễn Ái Quốc ký tên vào bản yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam gửi đến hội nghị Véc – xây (giải thích kỹ về bản yêu sách)	2. Từ 1911 – 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc - 5/6/1911: Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước - Đây là thời kỳ Bác bôn ba khắp các châu lục để tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức. Hồ Chí Minh đã đi qua 30 nước: đầu tiên đến Pháp, sang châu Âu, châu

⇒ Sự kiện này đã đánh dấu bước chuyển về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh: Từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp; từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác-Lênin; từ người yêu nước trở thành người cộng sản.	Phi, châu Mỹ, sống hoạt động với những người làm thuê. Người đã nhận thấy ở đâu nhân dân cũng mong muốn thoát khỏi áp bức, bóc lột; - Năm 1919 Nguyễn Ái Quốc viết Bản yêu sách của nhân dân An Nam tới hội nghị Vécxây; - Tháng 7-1920, người đọc được Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề thuộc địa của Lênin, đánh dấu việc tìm thấy đường cứu nước; - Tán thành Quốc tế III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (12-10-20) Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.
-(1921-1923 ở Pháp, 1923-1924 Liên Xô, 1924-1927 Trung Quốc, 1928-1929 Thái Lan...). ⇒ Trong khoảng thời gian này, tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành về cơ bản. - Giới thiệu sơ lược về hai tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp và Đường cách mệnh	3. Từ 1921 – 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam - Đây là thời kỳ hoạt động thực tiễn và lý luận sôi nổi và phong phú của Nguyễn Ái Quốc để tiến tới thành lập chính Đảng cách mạng ở Việt Nam; - Tháng 2 – 1930, Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam; - Thảo ra các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình và Điều lệ vắn tắt của Đảng. Các văn kiện này cùng với hai tác phẩm Người hoàn thành và xuất bản trước đó là Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) và Đường Kách mệnh (1927) đã đánh dấu sự hình thành cơ

	bản tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam.
	4. Từ 1930 – 1945: vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường - Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930), xây dựng cương lĩnh, xác định đường lối cách mạng, Hồ Chí Minh bước vào một giai đoạn thử thách. Do không nắm được tình hình thực tế các thuộc địa ở phương Đông và Việt Nam, lại bị chi phối bởi quan điểm “tả” khuynh đang ngự trị lúc bấy giờ, Quốc tế Cộng sản đã chỉ trích và phê phán đường lối của Nguyễn Ái Quốc vạch ra trong Hội nghị hợp nhất là đã phạm những sai lầm chính trị nguy hiểm vì chỉ lo đến việc phản đế mà quên lợi ích giai cấp tranh đấu. Hội nghị Trung ương tháng 10 – 1930 của Đảng ta, theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, cũng ra nghị quyết thủ tiêu Chánh cương và Sách lược vắn tắt, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. - Tháng 7-1935, Đại hội VII của Quốc tế cộng sản đã họp phê phán khuynh hướng “tả” trong phong trào cộng sản quốc tế, chủ trương mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất vì hòa bình, chống chủ nghĩa phát xít. Đối với các dân tộc thuộc địa, Đại hội đã bác bỏ luận điểm tả khuynh trước đây về chủ trương “cách mạng công nông”, “thành lập chính phủ Xô viết”, về mặt trận dân tộc thống nhất, về tập trung mũi nhọn vào chống đế quốc là đúng đắn. Những điều trên đã chứng tỏ những quan điểm của Nguyễn Ái

	Quốc về cách mạng Việt Nam là hết sức đúng đắn. Trên cơ sở đó, năm 1936 Đảng ta đã đề ra chính sách mới, phê phán những biểu hiện tả khuynh, cô độc, biệt phái trước đây. => Như vậy, vấn đề phân hóa kẻ thù, tranh thủ bạn đồng minh đã trở lại với Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Nguyễn Ái Quốc. Đó cũng là cơ sở để Đảng ta chuyển hướng đấu tranh trong thời kỳ 1936-1939 thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương và từ năm 1939 đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Trước khi về nước, Bác luôn có những chỉ đạo kịp thời với cách mạng Việt Nam. Người viết 8 điểm xác định đường lối, chủ trương cho cách mạng Đông Dương trong thời kỳ 1936-1939.. Khi tình hình thế giới có những biến động mới, Người chủ động đề nghị Quốc tế Cộng sản cho về nước hoạt động Ngày 28-1-1941 Nguyễn Ái Quốc về nước. Tại hội nghị trung ương lần thứ 8 (5-1941) dưới sự chủ trì của Bác, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam. Những nội dung của hội nghị này có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, dẫn đến cách mạng tháng Tám thắng lợi. <i>Thắng lợi của cách mạng tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin được vận dụng, phát triển ngày càng sát đúng với hoàn cảnh Việt Nam, là thắng lợi của tư</i>
--	--

	<i>tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh.</i>
--	--

Cuu duong than cong . com

Chứng minh bằng các sự kiện: 1946; 1951; 1954; di chúc 1969	5. Từ 1945 – 1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện - Từ thực tiễn, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhiều vấn đề đã tiếp tục được bổ sung, phát triển, hợp thành hệ thống những quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam: Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng và chiến lược về con người; tư tưởng của Đảng Cộng sản và xây dựng Đảng với tư cách là Đảng cầm quyền.
Câu hỏi ôn tập 1. Phân tích cơ sở khách quan và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó, cho biết yếu tố nào nào là quan trọng nhất, quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh? vì sao? 2. Trình bày quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao nói giai đoạn 1921-1931 là giai đoạn hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam? 3. Trình bày nhận thức của mình về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam và với sự phát triển của thế giới.	III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc. a. Tài sản tinh thần vô giá của dân tộc Việt Nam b. Nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của cách mạng Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của thế giới a. Phản ánh khát vọng thời đại b. Tìm ra các giải pháp đấu tranh giải phóng loài người c. Cổ vũ các dân tộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả

CHƯƠNG II

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

I. Mục đích bài học

Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. Thấy được những luận điểm sáng tạo, đặc sắc có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.

II. Yêu cầu

Làm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc và những luận điểm sáng tạo, đặc sắc có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.

III. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
- Nêu sơ lược quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về vấn đề dân tộc + Mác-Ăngghen đã đặt nền móng tư tưởng cho việc giải quyết vấn đề dân tộc một cách khoa học. + Lênin đã phát triển quan điểm này thành hệ thống lý luận toàn diện và sâu sắc về vấn đề dân tộc, làm cơ sở cho cương lĩnh, đường lối, chính sách của các Đảng Cộng sản về vấn đề dân tộc. - Theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, dân tộc là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử.	I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC 1. Vấn đề dân tộc thuộc địa a. Thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa - Vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề dân tộc thuộc địa “Vấn đề dân tộc thuộc địa thực chất là vấn đề đấu tranh

- Phân tích bản Yêu sách của nhân dân An Nam (18/6/1919), Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh: + Ngày 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi đến hội nghị Véc-xây bản yêu sách của nhân dân An-nam đòi quyền bình đẳng cho dân tộc Việt Nam. Bản yêu sách không được chấp nhận, Nguyễn Ái Quốc rút ra bài học: Muốn bình đẳng thực sự phải đấu tranh giành độc lập dân tộc- làm cách mạng, muốn giải phóng dân tộc chỉ có thể trông cậy vào chính mình, vào lực lượng của bản thân mình; + Phân tích nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo => kết luận: đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, có tư tưởng cốt lõi là độc lập, tự do cho dân tộc; + Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với Tuyên ngôn độc lập của Mỹ 1776 và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp 1791, Người đã khái quát chân lý: “Tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều có quyền bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”; - HCM khẳng định “không có gì quý hơn độc lập, tự do”.	giải phóng dân tộc thuộc địa nhằm thủ tiêu sự thống trị của nước ngoài, giành độc lập dân tộc, xoá bỏ ách áp bức, bóc lột thực dân, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập”. Vấn đề dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại cách mạng vô sản đầu thế kỷ XX có mấy luận điểm cơ bản sau: b. Độc lập dân tộc – nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa - Cách tiếp cận từ quyền con người; - Nội dung của độc lập dân tộc: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là
--	--

- Phân tích bối cảnh lịch sử thế giới và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX => nguyên nhân của các cuộc xâm chiếm thuộc địa; - Nguyễn Ái Quốc và quá trình nhận thức về bản chất của CNDQ => khẳng định “chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất kỳ kẻ thù xâm lược nào”; - Theo Mác –Ăngghen, chỉ có giai cấp vô sản mới thống nhất được lợi ích dân tộc- lợi ích của mình với các lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Chỉ có xoá bỏ áp bức, bóc lột giai cấp thì mới xoá bỏ áp bức dân tộc, đem lại độc lập thật sự cho dân tộc mình và cho dân tộc khác. Tuy nhiên, Mác và Ăngghen không đi sâu nghiên cứu vấn đề dân tộc vì ở Tây Âu vấn đề dân tộc đã được giải quyết trong cách mạng tư sản, đối với Mác, vấn đề dân tộc chỉ là thứ yếu so với vấn đề giai cấp. - Thời đại Lenin, khi CNDQ đã trở thành một hệ thống thế giới, cách mạng giải phóng dân tộc trở thành bộ phận của cách mạng vô sản, Lenin mới phát triển vấn đề dân tộc thành học thuyết về cách mạng thuộc địa. Lenin cho rằng, cách mạng vô sản ở chính quốc không thể giành thắng lợi nếu không liên minh với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa. Khẩu hiệu của Mác được bổ sung: “vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại.” Lenin đã thực sự “đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa”. - Phân tích tình hình các phong trào yêu nước VN cuối Tk XIX đầu TK XX -> hạn chế	tất cả những điều tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu”²; - Theo quan niệm Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; - Độc lập dân tộc, cuối cùng, phải đem lại cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho mọi người dân.
---	--

² Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb. Trẻ - Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.52.

của các con đường cứu nước của ông cha;

- 1920, NAQ đọc Sơ thảo Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa -> chọn con đường cách mạng vô sản -> ở HCM đã có sự gắn bó giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
 - Hồ Chí Minh, từ chủ nghĩa yêu nước đến với CNMLN, đã nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lựa chọn cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Hồ Chí Minh nêu, các nước thuộc địa phương Đông không phải làm ngay cách mạng vô sản, mà trước hết giành độc lập dân tộc. Có độc lập dân tộc rồi mới bàn đến cách mạng XHCN. Từ thực tiễn của đấu tranh cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã phê phán quan điểm của các đảng cộng sản Tây Âu không đánh giá đúng vai trò, vị trí, tương lai của cách mạng thuộc địa, và Nguyễn Ái Quốc đi đến luận điểm: “Các dân tộc thuộc địa phải dựa vào sức mình là chính, đồng thời biết tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới để phải đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, từ cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên làm cách mạng XHCN”.
 - Phân tích sự khác nhau giữa phong trào cách mạng ở phương Đông và phương Tây;
 - Trong Tuyên ngôn Đảng cộng sản, Mác-Ăngghen đã đề cập mối quan hệ dân tộc và giai cấp; phân tích hoàn cảnh lịch sử đầu thế kỷ XX (thời đại của Lênin) => sự ra đời của luận điểm này;
- + Mác: “Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành giai cấp dân tộc;

c. Chủ nghĩa yêu nước chân chính - Một động lực to lớn của đất nước

- CNTB chuyển từ giai đoạn CNTB lũng đoạn sang giai đoạn CNDQ -> xâm lược thuộc địa -> chủ nghĩa thực dân;

- chủ nghĩa yêu nước chân chính của các dân tộc thuộc địa là sức mạnh chiến đấu và thắng lợi trước bất kỳ kẻ thù xâm lược nào;

⇒ Khẳng định sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước.

2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp

a. Vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp có quan hệ chặt chẽ với nhau

- Vấn đề dân tộc bao giờ

+ Lênin: “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại” => Lênin đã thực sự “đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa”. - Khi ủng hộ quỹ kháng chiến của người Anh, năm 1914, Người nói với bạn: “Chúng ta phải tranh đấu cho tự do, độc lập của các dân tộc khác như là tranh đấu cho dân tộc ta vậy”; - 1930 Hồ Chí Minh đề nghị đặt tên đảng là ĐCSVN. Vì theo Lênin, dân tộc tự quyết là cách mạng ở mỗi nước không thể do ĐCS của nước khác áp đặt, làm thay. Mỗi ĐCS là thuộc về một dân tộc, phải chịu trách nhiệm trước dân tộc mình; - Người giúp đỡ thành lập các đảng cộng sản ở một số nước Đông Nam Á đầu những năm 30, 50 thế kỷ XX; - Ủng hộ cuộc kháng chiến chống Nhật của nhân dân Trung Quốc, chống Pháp của nhân dân Lào và Campuchia. - Tác phẩm Đường Cách mệnh năm 1927; - Xác định trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do NAQ thông qua năm 1930; - Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5/1941) -> đề ra mục tiêu	cũng được nhận thức và giải quyết theo lập trường của một giai cấp nhất định; - Khẳng định vai trò của giai cấp công nhân; - Đoàn kết trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sử dụng con đường bạo lực cách mạng, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. b. Giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, trước hết; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - Ở Hồ Chí Minh đã có sự gắn bó giữa dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, độc lập dân
--	---

- Rút ra bài học từ sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến, dân chủ tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam. - Chứng minh Cách mạng tư sản là những cuộc cách mạng không triệt để như cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ. - Người tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc qua Cách mạng Tháng Mười Nga. Người khẳng định chỉ có Cách mạng Tháng Mười Nga là đến nơi, đến chốn. - Người tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc qua Bản sơ thảo lần thứ nhất Luận cương những vấn đề về dân tộc và thuộc địa của Lênin và quyết định bỏ phiếu tán thành Quốc tế III Chứng minh bằng thực tiễn cách mạng Việt Nam - Thắng lợi của Cách mạng tháng 8/1945; - Thắng lợi của Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954); - Thắng lợi của chống Mỹ (1954 - 1975); - Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới (1986).	tộc và chủ nghĩa xã hội - HCM khẳng định: “yêu tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến bộ lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mỗi ngày một ấm no thêm, tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm”³.
--	--

³ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 9, trang 173.

Xuất phát từ thực tiễn

- Sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến, dân chủ tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam.

- Cuối XIX đầu thế kỷ XX CNTB chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền chủ nghĩa và đi xâm lược các nước khác.

- Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam vượt qua thời kỳ khủng hoảng kinh tế sau giải phóng miền Nam thống nhất đất nước bằng đường lối đổi mới của Đại hội VI (12/1986) và đã đạt được nhiều thành tựu trên lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội.

- Lấy dẫn chứng từ sự kiện Trung Quốc đưa trái phép dàn khoan HD981 vào vùng biển

c. Giải phóng dân tộc
tạo tiền đề để giải phóng giai cấp

- Theo quan điểm của Hồ Chí Minh:

+ Phải giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm giai cấp;

+ Đồng thời đặt vấn đề giai cấp trong vấn đề dân tộc;

+ Giải phóng dân tộc khỏi chủ nghĩa thực dân là điều kiện để giải quyết vấn đề dân tộc.

d. Giữ vững độc lập của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng độc lập của dân tộc khác

Việt Nam - Trong Sách lược văn tắt năm 1930 NAQ nêu rõ: “Đảng phải tập hợp đại bộ giai cấp công nhân, tập hợp đại bộ phận nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi về phe vô sản giai cấp; đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, chí ít là làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ”. - Năm 1942, Người chủ trương già, trẻ, gái, trai, dân, lính đều tham gia đánh giặc. Năm 1944, Người viết: “cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân, vũ trang toàn dân”...Kháng chiến chống Mỹ: “cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người Việt Nam yêu nước”. “31 triệu đồng bào ta...là 31 triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mỹ, cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng”. Đây là tư tưởng có ý nghĩa chiến lược về tập hợp sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân của Hồ Chí Minh. “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”. Xuất phát từ tương quan lực lượng lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, Hồ Chí Minh phát động chiến tranh nhân dân. “Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể nào thắng được”. Quân sự là chính, kết hợp đấu tranh ngoại giao, thêm bạn bớt thù,	- Quyền tự do, độc lập là quyền bất khả xâm phạm của các dân tộc, “dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”; - Người nêu cao tinh thần dân tộc tự quyết, nhưng không quên nghĩa vụ quốc tế; - Là một chiến sĩ quốc tế chân chính, Người còn đấu tranh cho độc lập của tất cả các dân tộc bị áp bức ⇒ Kết hợp nhuần nhuyễn dân tộc với giai cấp, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế
---	---

phân hoá, cô lập kẻ thù. Đấu tranh kinh tế chống lại sự phá hoại của địch. Đấu tranh văn hoá, tư tưởng cũng quan trọng. Song Hồ Chí Minh vẫn nhấn mạnh: “Trong khi liên lạc giai cấp, phải cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công- nông mà đi vào thảo hiệp”.

- Luận cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nêu ở Đại hội VI Quốc tế cộng sản (1928): “chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”. Ý kiến này đã giảm tính chủ động, sáng tạo của cách mạng thuộc địa. Hồ Chí Minh cho rằng, cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản chính quốc có mối liên hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Ngay từ Đại hội V quốc tế cộng sản (1924), Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa...”. Luận điểm về *con đũa 2 vôi* cho thấy cần thiết phải thực hiện liên minh chiến đấu giữa cách mạng vô sản chính quốc với cách mạng thuộc địa.

Chứng minh tính đúng đắn của quan điểm này từ thực tiễn cách mạng bằng một trong các cuộc cách mạng tiêu biểu như:

- Cách Mạng Tháng Tám của Việt Nam 1945....
- Cách mạng của nhân dân Trung Quốc 1949 ...

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc

- Tính chất: đối tượng của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa không phải là giai cấp tư sản bản xứ, càng không phải giai cấp địa chủ nói chung mà là chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động;

- Yêu cầu bức thiết của nhân dân các dân tộc thuộc địa là độc lập dân tộc;

- Mâu thuẫn chủ yếu ở thuộc địa là mâu thuẫn dân tộc, điều này quy định mục tiêu và

- Chứng minh bằng thắng lợi của các chiến lược đánh lâu dài trong cách mạng giải phóng dân tộc - “...Ta lấy trường kỳ kháng chiến trị nó, thì địch nhất định thua, ta nhất định thắng”....”Thắng lợi với trường kỳ phải đi đôi với nhau”. “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa...song nhân dân Việt nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do”. - Tự lực cánh sinh là phương châm của bạo lực cách mạng ...“kháng chiến trường kỳ gian khổ đồng thời lại phải tự lực cánh sinh. Trông vào sức mình...cố nhiên sự giúp đỡ của các nước bạn là quan trọng, nhưng không được ỷ lại, không được ngồi mong chờ người khác”. Phương châm đúng đắn ta đã giành thắng lợi to lớn.	nhiệm vụ của cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa là giải phóng dân tộc. - Mục tiêu: Giải phóng dân tộc => nhiệm vụ bức thiết nhất. - Không đặt mục tiêu giải phóng giai cấp lên trên, lên trước. 2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản - Làm cách mạng giải phóng dân tộc giành chính quyền, dần dần làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản. - Lực lượng làm cách mạng là khối đại đoàn kết toàn dân mà
--	---

Phân tích: - Trên thế giới: + Cách mạng tư sản Pháp 1789; + Cách mạng tư sản Mỹ 1776; + Cách mạng tháng Mười Nga 1917; ⇒ Chỉ ra những hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản Pháp, Mỹ và tính triệt để của Cách mạng tháng Mười Nga - Việt Nam: + Thất bại của Việt Nam Quốc dân Đảng 9/2/1930; + Phân tích sự khác nhau của cách mạng Việt Nam trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam và sau khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo. + Phân tích nhấn mạnh vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong năm 1945.	nòng cốt là liên minh công – nông – trí. - Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. “Ai làm cách mạng trong thế giới cũng là đồng chí của người An nam ta cả”. Cách mạng thuộc địa phải gắn chặt với cách mạng vô sản chính quốc. 3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng cộng sản lãnh đạo - Nguyễn Ái Quốc khẳng định, muốn giải phóng dân tộc thành công “trước hết phải có đảng cách mệnh... đảng có vững cách mệnh mới thành công”. - Cách mạng giải phóng dân tộc phải có đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo theo
--	--

	nguyên tắc đảng kiểu mới của Lênin. - Muốn cách mạng thành công trước hết phải có đảng cách mạng tức là phải lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm cốt. - Đảng CSVN là người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Đảng CSVN là đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. - Chỉ có cuộc cách mạng do chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo mới thực hiện được sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. - Hồ Chí Minh cho rằng các tổ chức cách mạng theo kiểu cũ không thể đưa cách mạng
--	---

	đến thành công vì nó thiếu một đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học. Các lãnh tụ yêu nước tiền bối tuy đã ý thức được tầm quan trọng của chính đảng cách mạng và một đường lối chính trị đúng đắn, song họ chưa làm được. 4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc - Theo HCM: cách mạng giải phóng dân tộc là “việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”, phải đoàn kết toàn dân “dân tộc cách mệnh chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền” - Trong lực lượng đó “công
--	--

+ Bác ví Chủ nghĩa đế quốc như một con rắn độc mà nọc độc và sức sống của con rắn đó đang tập trung ở những nước thuộc địa. + HCM cũng ví CNĐQ như một con đĩa 2 vôi...	- nông là chủ cách mạng” ... “công - nông là gốc của cách mạng”, “còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi”. - Chủ trương tập hợp lực lượng của Hồ Chí Minh phản ánh tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Người. 5. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc CMGPDT cần được tiến hành chủ động, sáng tạo: - Cuộc CMGPDT có vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh
---	--

	chống CNTB trên phạm vi toàn thế giới. - Muốn giành thắng lợi CMGPDT phải được tiến hành chủ động, sáng tạo, không ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của bên ngoài. * Quan hệ giữa cách mạng thuộc địa với cách mạng chính quốc - Đó là quan hệ bình đẳng, hỗ trợ nhau mang tính độc lập chứ không phụ thuộc vào nhau; - CMGPDT có thể giành thắng lợi trước và khi đó nó tác động tích cực tới CMVSTG. => Đây là luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn; cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.
--	---

- Phân tích tiếp dựa trên cơ sở dẫn chứng đã phân tích ở trang 23, 24	Cách mạng Việt Nam đã chứng minh luận điểm của Hồ Chí Minh là đúng đắn. 6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường cách mạng bạo lực - Tháng 5/1941, Hội nghị Trung ương 8 khoá I nhận định: cuộc cách mạng Đông Dương kết thúc bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang, mở đầu có thể là cuộc khởi nghĩa từng phần, từng địa phương... mở đường cho cuộc khởi nghĩa lớn. - Hình thức của bạo lực cách mạng bao gồm cả đấu tranh chính trị, vũ trang, phải “tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp...giành thắng lợi cho
--	--

	cách mạng”. Người cũng chủ trương giải quyết xung đột bằng biện pháp hoà bình, thương lượng, chấp nhận nhượng bộ có nguyên tắc. Tư tưởng bạo lực cách mạng với tư tưởng nhân đạo hoà bình thống nhất biện chứng. - Nhân mạnh khởi nghĩa vũ trang, Hồ Chí Minh chỉ đạo: phải xây dựng căn cứ địa cách mạng, đào tạo, huấn luyện cán bộ, xây dựng tổ chức chính trị của quần chúng, lập đội du kích vũ trang, đón thời cơ, phát động cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám và giành thắng lợi chỉ trong vòng có hơn 10 ngày.
--	---

CHƯƠNG 3

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CNXH Ở VIỆT NAM

I. MỤC ĐÍCH

- Thấy được quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu, của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;
- Nắm vững được quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, đặc trưng, mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội;
- Hiểu được con đường và biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

II. Yêu cầu

- Làm rõ được những quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội;
- Khái quát được những đặc trưng bản chất, mục tiêu, đặc điểm của thời kỳ quá độ ở Việt Nam;
- Nắm được các nhiệm vụ, bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta;
- Xây dựng niềm tin khoa học, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

III. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
- Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH ở Việt Nam: - + Hồ Chí Minh tiếp cận tư tưởng về CNXH từ phương diện kinh tế; - + Nét sáng tạo của Hồ Chí Minh là tiếp cận CNXH từ khát vọng giải phóng dân tộc và nhu cầu giải phóng con người một	I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Hồ Chí Minh đã tiếp thu vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin về sự phát triển tất yếu của xã hội loài người theo các hình thái kinh tế - xã hội; - Quan điểm của Hồ Chí Minh: tiến lên chủ nghĩa xã hội là

cách triệt để; + Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ văn hoá, đưa văn hoá thâm nhập vào chính trị, kinh tế tạo nên sự thống nhất biện chứng giữa văn hoá, kinh tế và chính trị; + Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức. Chủ nghĩa xã hội là đối lập với chủ nghĩa cá nhân; + Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ chủ nghĩa yêu nước và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. - Từ đặc điểm lịch sử dân tộc: Nước ta không trải qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ, mang đậm dấu ấn phong kiến phương Đông, mâu thuẫn giai cấp không gay gắt, quyết liệt, kéo dài, như ở phương Tây, do đó hình thành Quốc gia dân tộc từ sớm; Ngay từ buổi đầu dựng nước, chúng ta liên tục phải đấu tranh chống ngoại xâm, hình thành chủ nghĩa yêu nước truyền thống; Là nước nông nghiệp, lấy đất và nước làm nền tảng với chế độ công điền hình thành cộng đồng thêm bền chặt. Tất cả điều này là giá trị cơ bản của tinh thần và tư tưởng XHCN ở Việt Nam: Tinh thần yêu nước, yêu thương đùm bọc trong hoạn nạn đấu tranh, cố kết cộng đồng Quốc gia dân tộc.	bước phát triển tất yếu ở Việt Nam sau khi đã giành được độc lập theo con đường cách mạng vô sản. - Mục tiêu giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho Việt Nam là nước nhà độc lập, nhân dân được hưởng tự do, hạnh phúc, tức là sẽ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. - Ngay từ đầu những năm 1920 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hoà thế giới chân chính, xoá bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”⁴ -
--	--

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1. tr. 461

- Từ truyền thống văn hoá lâu đời, bản sắc riêng: đó là nền văn hoá lấy nhân nghĩa làm gốc, trừ độc, trừ tham, trọng đạo lý; nền văn hoá mang tính dân chủ; có tính chất khoan dung; một dân tộc trọng hiền tài; hiếu học...Hồ Chí Minh quan niệm, chủ nghĩa xã hội là thống nhất với văn hoá, “chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao hơn so với chủ nghĩa tư bản về mặt văn hoá và giải phóng con người”. - Từ tư duy triết học phương Đông: coi trọng hoà đồng, đạo đức nhân nghĩa. Về phương diện đạo đức, Người cho rằng: chủ nghĩa xã hội đối lập với chủ nghĩa cá nhân. - Hồ Chí Minh nhận thức về chủ nghĩa xã hội là kết quả tác động tổng hợp của các nhân tố: truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; kinh tế, chính trị, đạo đức, văn hoá. Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm cách tiếp cận về chủ nghĩa xã hội, đóng góp vào phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. - <i>Hồ Chí Minh tiếp cận CNXH từ yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại</i> - Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX đặt ra yêu cầu khách quan là tìm một ý thức hệ mới đủ sức vạch ra đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn đem lại thắng lợi cho cách	
--	--

mạng Việt Nam. (Bậc cách mạng tiền bối hoặc là có ý thức giành độc lập dân tộc lại không có ý thức canh tân đất nước; hoặc là có ý thức canh tân đất nước lại kém ý thức chống Pháp). Cách mạng Việt Nam đòi hỏi có một giai cấp tiên tiến đại diện cho phương thức sản xuất mới, có hệ tư tưởng độc lập, có ý thức tổ chức và trở thành giai cấp tự giác đứng lên làm cách mạng. Hồ Chí Minh sớm nhìn thấy phong trào yêu nước Việt Nam đang rơi vào khủng hoảng về đường lối, vì vậy cách mạng chưa đem lại giải phóng dân tộc. Tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng tháng mười Nga giành thắng lợi đã mở ra con đường hiện thực cho giải phóng dân tộc ở phương Đông: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH và Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu truyền bá tư tưởng CNXH trong dân.

- + *Hồ Chí Minh đến với CNXH từ tư duy độc lập sáng tạo tự chủ*

- Đặc điểm của định hướng tư duy tự chủ sáng tạo là: định hướng tư duy trên cơ sở thực tiễn; luôn tìm tận gốc của sự vật, hiện tượng; kết hợp lý trí khoa học và tình cảm cách mạng. Tư duy của Hồ Chí Minh là tư duy rộng mở và văn hoá.

- Nêu khái quát luận giải của các nhà kinh điển về giai đoạn thấp của CNXH. - Mác, Ăngghen dự kiến phác thảo về xã hội mới với những đặc trưng cơ bản. Lênin phát triển quan điểm của Mác và nêu hai giai đoạn phát triển của phương thức sản xuất mới: giai đoạn thấp và giai đoạn cao. - Quan niệm của Hồ Chí Minh về bản chất của CNXH là thống nhất với các nhà kinh điển. Bằng thực tiễn chỉ đạo xây dựng CNXH ở nước ta, vào thời điểm khác nhau Bác nêu bản chất của CNXH thông qua các cách định nghĩa khác nhau là: - Định nghĩa chủ nghĩa xã hội như là một chế độ hoàn chỉnh, bao gồm nhiều mặt khác nhau của đời sống: Làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, mọi người đều có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Mục tiêu là giải phóng nhân dân lao động khỏi nghèo nàn, lạc hậu. - Định nghĩa chủ nghĩa xã hội là một mặt nào đó (kinh tế, chính trị...). Nhiệm vụ quan trọng nhất là phát triển sản xuất. Sản xuất là mặt trận chính của chúng ta. Người viết:... “lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những	2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Cách tiếp cận của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội - Hồ Chí Minh tiếp thu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, đã vận dụng và phát triển một cách sáng tạo, bổ sung cách tiếp cận mới về chủ nghĩa xã hội. - Hồ Chí Minh tiếp thu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của lý, trước hết từ khát vọng giải phóng dân tộc. Người tìm thấy sự thống nhất biện chứng của giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội (trong đó có giải phóng giai cấp), giải phóng con người. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản. - Tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ phương diện đạo đức, hướng tới giá trị nhân đạo, nhân văn mácxít, giải quyết quan hệ cá nhân với xã hội theo quan điểm của Mác và Ăngghen: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. - Hồ Chí Minh tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ văn hoá. Văn hóa trong chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có quan hệ biện chứng với chính trị, kinh tế. Xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là quá trình kết tinh, kế thừa phát triển những giá trị văn hóa của dân tộc
--	--

người già cả, đau yếu và trẻ em...”. - Hồ Chí Minh tiếp cận bằng cách xác định mục tiêu của CNXH: không có người bóc lột người, ai cũng phải lao động, có quyền lao động; thực hiện công bằng, bình đẳng... “là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng tự do”, “là đoàn kết, vui khỏe”... - Hồ Chí Minh tiếp cận với CNXH bằng cách xác định động lực xây dựng nó là phải gắn với phát triển khoa học kỹ thuật “nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân”. do quần chúng nhân dân tự xây dựng nên dưới sự lãnh đạo của Đảng. - Có thể khái quát bản chất của CNXH theo tư tưởng HCM: Chế độ do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; một xã hội phát triển cao về văn hoá, đạo đức; một xã hội công bằng, hợp lý; là công trình tập thể của nhân dân, do nhân dân xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng.	Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc và quốc tế. - Nhân dân Việt Nam xây dựng xã hội cũng là tuân theo quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công là điều kiện đảm bảo vững chắc, đồng thời là mục tiêu cho độc lập dân tộc hướng tới.
- “Chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai là ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên trừ những người già cả, đau yếu và trẻ em...”¹. Khi đề cập về kinh tế, Hồ Chí Minh thường	b. Đặc trưng bản chất tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Hồ Chí Minh quan niệm, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản như là một chế độ xã hội hoàn chỉnh, trong đó con người được

nhấn mạnh hai yếu tố: Chế độ sở hữu (công cộng hoặc xã hội) và quan hệ phân phối: làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có phúc lợi xã hội. Trong lĩnh vực chính trị, Người nêu chế độ dân chủ, mọi người được phát triển toàn diện. - Các đặc trưng nêu trên là hình thức thể hiện một hệ thống giá trị vừa kế thừa các di sản của quá khứ, vừa được sáng tạo mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là hiện thân đỉnh cao của tiến trình tiến hóa lịch sử nhân loại. Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội có một hệ thống giá trị làm nền tảng, đó là độc lập, tự do, bình đẳng, công bằng, dân chủ, bảo đảm quyền con người, bác ái, đoàn kết, hữu nghị... Tất cả những giá trị cơ bản này là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Khi các giá trị đó đã đạt được thì loài người sẽ vươn tới lý tưởng cao nhất của chủ nghĩa xã hội, đó là	phát triển toàn diện, tự do. Mọi thiết chế, cơ cấu xã hội đều nhằm tới mục tiêu giải phóng con người. - Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội bằng cách chỉ ra một số mặt nào đó của nó (kinh tế, chính trị, văn hoá...) - Hồ Chí Minh quan niệm chủ nghĩa xã hội bằng cách nhấn mạnh mục tiêu vì lợi ích của tổ quốc, của nhân dân, là “làm sao cho dân giàu, nước mạnh”⁵, là “làm sao cho tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”. “Nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân”⁶, là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do; là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁷. - Đặc trưng tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo Hồ Chí Minh là trên những mặt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. - <i>Đặc trưng 1:</i> Chế độ chính trị do nhân dân lao động làm chủ. - Chủ nghĩa xã hội có chế độ chính trị dân chủ, nhân dân lao động là chủ và nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước của dân, do dân, vì dân dựa trên khối đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên
--	---

⁵Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8. tr. 226

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10. tr. 556

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4. tr. 161

“liên hợp tự do của những người lao động” mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã dự báo. Ở đó, cá tính của con người được phát triển đầy đủ, năng lực con người được phát huy cao nhất, giá trị con người được thực hiện toàn diện. Nhưng theo Hồ Chí Minh, đó là một quá trình phấn đấu khó khăn, gian khổ, lâu dài, dần dần và không thể nôn nóng.	minh công – nông – trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng. - Chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của chính bản thân nhân dân, dựa vào sức mạnh của toàn dân để đưa lại quyền lợi cho nhân dân. - <i>Đặc trưng 2:</i> Chủ nghĩa xã hội là một chế độ xã hội có nền kinh tế phát triển cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, có nền kinh tế phát triển dựa trên cơ sở năng suất lao động xã hội cao, ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại. - <i>Đặc trưng 3:</i> Chủ nghĩa xã hội là một chế độ không còn người bóc lột người. - Đây là một vấn đề được hiểu như là một chế độ đã xây dựng xong, hoàn chỉnh, đạt đến độ chín muồi. Trong chủ nghĩa xã hội không còn áp bức, bóc lột, bất công, thực hiện chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất và thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, công bằng, hợp lý. - <i>Đặc trưng 4:</i> Chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển cao về văn hóa, đạo đức. - Đó là một xã hội có hệ thống quan hệ xã hội lành mạnh, bình đẳng, không còn áp bức, bóc lột, bất công, không còn sự đối lập giữa lao động chân tay và trí óc, giữa thành thị và nông thôn, con người được giải phóng và phát triển toàn diện.
--	--

- - - Hồ Chí Minh ý thức được rõ ràng giá trị của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điểm then chốt có ý nghĩa phương pháp luận là Người đã đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau ở nước ta. Từ đó, chủ nghĩa xã hội được biểu hiện với việc thoả mãn các nhu cầu, lợi ích thiết yếu của người lao động từ thấp đến cao, tạo ra tính hấp dẫn, năng động của chế độ xã hội mới.	3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Mục tiêu - <i>Mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội</i> và mục tiêu phấn đấu của Người là một, đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân; đó là “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. - Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập mục đích của chủ nghĩa xã hội: Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”; - Người diễn giải mục đích tổng quát thành các tiêu chí cụ thể: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ... ”. - <i>Người nói một cách gián tiếp nêu lên mục tiêu của chủ nghĩa xã hội</i>, như khi kết thúc Di chúc, Hồ Chí Minh viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: ... xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng
--	---

- Quá trình đi tới mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, một thời kỳ quá độ và thực hiện những mục tiêu cụ thể: “Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ra. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xoá bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức. Muốn thế, chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải dần dần tập thể hóa nông nghiệp. Chúng ta phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân, đối với thủ công nghiệp. Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hoá cao và đời sống tươi vui hạnh phúc”¹.	đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”⁸. - <i>Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội</i> là nâng cao đời sống của nhân dân. Theo Người, muốn nâng cao đời sống nhân dân thì phải tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là nâng cao đời sống nhân dân có ý nghĩa sâu sắc đối với chúng ta. - Mục tiêu cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: - <i>Mục tiêu chính trị</i>: chế độ chính trị phải là do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có hai chức năng: Dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của dân nhân. Hai chức năng đó không tách rời nhau, mà luôn luôn đi đôi với nhau. - Quyền làm chủ của nhân dân thực hiện qua con đường, biện pháp và các hình thức dân chủ trực tiếp, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng; củng cố các hình thức dân chủ gián tiếp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước - <i>Mục tiêu kinh tế</i>: Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế vững mạnh là cơ sở đứng vững cho chế độ chính trị của chủ nghĩa xã hội. Đó là
---	--

⁸ Sdd. tập 12, tr. 512.

- Văn hoá thể hiện trong mọi hoạt động, sinh hoạt tinh thần của xã hội, đó là xoá nạn mù chữ, xây dựng, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, xây dựng phát triển văn hoá nghệ thuật, thực hiện nếp sống mới, thực hành vệ sinh phòng bệnh, giải trí lành mạnh, bài trừ mê tín dị đoan, khắc phục phong tục tập quán lạc hậu... - Để có một nền văn hoá như thế ta phải phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc, đồng thời học tập văn hoá tiên tiến của thế giới. Phương châm xây dựng nền văn hoá mới là: dân tộc, khoa học, đại chúng. Phải làm cho phong trào văn hoá có bề rộng, đồng thời phải có bề sâu. - Đào tạo con người là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu cao nhất, động lực quyết định nhất công cuộc xây dựng chính là con người. Hồ Chí Minh quan tâm trước hết đến mặt tư tưởng: Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở mỗi con người là kết quả của việc học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.	“một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”⁹. “...cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xóa bỏ dần”.¹⁰ - <i>Mục tiêu văn hoá – xã hội:</i> Theo Hồ Chí Minh, văn hoá là một mục tiêu cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Về bản chất của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Phải xã hội chủ nghĩa về nội dung”; Hồ Chí Minh luôn gắn tài năng với đạo đức. Theo người, “có tài mà không có đức là hỏng”, “Người luôn gắn phẩm chất chính trị với trình độ học vấn, chuyên môn với nghiệp vụ trong đó “chính trị là tinh thần, chuyên môn là thể xác”. Hai mặt đó gắn bó thống nhất trong một con người. Do vậy, tất cả mọi người đều phải luôn luôn trau dồi đạo đức và tài năng, vừa có đức vừa có tài, vừa “hồng” vừa “chuyên”.
--	---

⁹ Sdd tập 9, tr. 558.

¹⁰ Sdd tập 9, tr. 588.

-	b. Động lực Động lực là tất cả những nhân tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua hoạt động của con người, đồng thời biết triệt tiêu những trở lực. - Những động lực biểu hiện ở hai phương diện: vật chất và tinh thần, nội sinh và ngoại sinh. - Con người là động lực quan trọng nhất của chủ nghĩa xã hội, động lực con người là sự kết hợp giữa cá nhân (sức mạnh cá thể) với xã hội (sức mạnh cộng đồng). Người cho rằng không có một chế độ xã hội nào coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự đoàn kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân, đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của chủ nghĩa xã hội. - Động lực kinh tế, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân, gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội. - Động lực văn hoá, khoa học, giáo dục, coi đó là động lực tinh thần không thể thiếu của chủ nghĩa xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội. Đây là hạt nhân trong hệ động lực của chủ nghĩa xã hội.
---	--

	- Động lực KHKT, Theo Hồ Chí Minh, phải kết hợp được với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, phải sử dụng tốt những thành quả khoa học - kỹ thuật thế giới... - Các trở lực: Người cảnh báo và ngăn ngừa các yếu tố kìm hãm, triệt tiêu nguồn năng lượng vốn có của chủ nghĩa xã hội. Đó là tham ô, lãng phí, quan liêu... mà Người gọi đó là giặc nội xâm. - Giữa nội lực và ngoại lực, Hồ Chí Minh xác định nội lực là quyết định, ngoại lực là rất quan trọng. Vì vậy Người hay nêu cao tinh thần tự chủ, tự lực cánh sinh là chính, nhưng luôn chú trọng tranh thủ sự giúp đỡ, hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp.
- C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin đều khẳng định tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chỉ rõ vai trò, vị trí lịch sử, nhiệm vụ đặc thù của nó trong quá trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. - V.I.Lênin cho rằng những nước có nền kinh tế lạc hậu chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa cũng có thể đi lên chủ nghĩa xã hội được trong điều kiện cụ thể nào đó, nhất là	II. CON ĐƯỜNG, BIỆN PHÁP QUÁ ĐỘ ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam a. Thực chất, loại hình và đặc điểm của thời kỳ quá độ - Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, triệt để, toàn diện, từ xã hội cũ sang xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Nó diễn ra từ khi cách mạng vô sản thắng lợi, giai cấp vô sản giành được chính quyền, bắt tay vào việc xây dựng

trong điều kiện Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo (trở thành Đảng cầm quyền) và được một hay nhiều nước tiên tiến giúp đỡ. - Theo Hồ Chí Minh khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta có đặc điểm lớn nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác, thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và làm cơ sở nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Trong đó Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ, đó là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển cao của đất nước theo xu hướng tiến bộ và thực trạng kinh tế - xã hội quá thấp kém của nước ta.	xã hội mới, kết thúc khi đã xây dựng xong cả về lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, cả cơ sở kinh tế lẫn kiến trúc thượng tầng xã hội xã hội chủ nghĩa. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin có hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội: - Quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội ở những nước chủ nghĩa tư bản đã phát triển ở trình độ cao. Đây là loại phát triển tuần tự theo quy luật. - Quá độ gián tiếp ở những nước chủ nghĩa tư bản phát triển còn thấp. - Hồ Chí Minh đã khẳng định: con đường cách mạng của Việt Nam là tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một quan niệm về một hình thái quá độ gián tiếp cụ thể, quá độ từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, sau khi giành được độc lập đi lên chủ nghĩa xã hội. Chính ở nội dung cụ thể này, Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa làm phong phú thêm lý luận Mác – Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tính chất tuần tự, dần dần của	b. Nhiệm vụ lịch sử của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là phức tạp và khó khăn được Người lý giải trên các điểm sau: - Đây thực sự là một cuộc cách mạng làm đảo lộn mọi mặt đời sống xã hội, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Nó đặt ra và đòi hỏi đồng thời giải quyết hàng loạt mâu thuẫn khác nhau. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp khổng lồ của toàn Đảng, toàn dân ta. - Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chưa có kinh nghiệm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đây là công việc hết sức mới mẻ đối với Đảng ta, nên phải vừa làm, vừa học và có thể có vấp vấp và thiếu sót. Xây dựng xã hội mới bao giờ cũng khó khăn, phức tạp hơn đánh đổ xã hội cũ đã lỗi thời. - Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta luôn luôn bị các thế lực phản động trong và ngoài nước tìm cách chống phá. - Từ việc chỉ rõ tính chất của thời kỳ quá độ, Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên trong xây dựng chủ nghĩa xã hội phải thận trọng, tránh nôn nóng chủ quan, đốt cháy giai đoạn. Vấn đề cơ bản là phải xác định đúng bước đi và hình thức phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất, biết kết hợp các khâu trung gian, quá độ, tuần hoàn từng bước, từ thấp đến cao. Vì vậy, xây	Việt Nam - Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bao gồm hai nội dung lớn: - Một là, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng các tiền đề về kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội. - Hai là, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm, làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài.
--	--

dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một năng lực lãnh đạo mang tính chất khoa học, vừa hiểu biết các quy luật vận động xã hội, lại mang phải có nghệ thuật khôn khéo cho thật sát với tình hình thực tế.	
- Mỗi quan tâm lớn nhất của Người về Đảng cầm quyền là làm sao cho Đảng không trở thành Đảng quan liêu, xa dân, thoái hoá, biến chất, làm mất lòng tin của dân, có thể dẫn đến nguy cơ sai lầm về đường lối, cắt đứt mối quan hệ máu thịt với nhân dân - củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; củng cố và tăng cường sức mạnh toàn bộ hệ thống chính trị cũng như từng thành tố của nó. Người nhấn mạnh đến việc tăng năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Đối với cơ cấu kinh tế, Hồ Chí Minh đề cập cơ cấu ngành và cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu kinh tế vùng, lãnh thổ. Người quan niệm hết sức độc đáo về cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp, lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, củng cố hệ thống thương nghiệp làm cầu nối tốt nhất giữa các ngành sản xuất xã hội, thoả mãn nhu cầu thiết yếu của nhân dân. - Đối với kinh tế vùng, lãnh thổ, Hồ Chí Minh lưu ý phải phát triển đồng đều giữa kinh tế đô thị và kinh tế nông thôn. Người đặc biệt chú trọng chỉ đạo phát triển kinh tế vùng núi, hải đảo, vừa tạo điều kiện không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào, vừa bảo đảm an ninh, quốc phòng cho đất nước.	c. Quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ Hồ Chí Minh đã xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực: - Trong lĩnh vực chính trị: phải giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng; - Trong lĩnh vực kinh tế: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý kinh tế;

Người xác định rõ vị trí và xu hướng vận động của từng thành phần kinh tế:

Kinh tế hợp tác xã là hình thức sở hữu tập thể của nhân dân lao động, Nhà nước cần khuyến khích, hướng dẫn và giúp đỡ nó phát triển. Hồ Chí Minh nhấn mạnh nguyên tắc dần dần, từ thấp đến cao, tự nguyện, cùng có lợi, chống chủ quan, gò ép, hình thức.

Đối với người làm nghề thủ công và lao động riêng lẻ khác, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, ra sức hướng dẫn và giúp họ cải tiến cách làm ăn, khuyến khích họ đi vào con đường hợp tác.

Đối với những nhà tư bản công thương, vì họ đã tham gia ủng hộ cách mạng dân tộc dân chủ, có đóng góp nhất định trong khôi phục kinh tế và sẵn sàng tiếp thu, cải tạo để góp phần xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nên Nhà nước không xoá bỏ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của họ, mà hướng dẫn họ hoạt động làm lợi cho quốc kế dân sinh, phù hợp với kinh tế nhà nước, khuyến khích và giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức tư bản nhà nước.

Bên cạnh chế độ và quan hệ sở hữu, Hồ Chí Minh rất coi trọng quan hệ phân phối và quản lý kinh tế. Quản lý kinh tế phải dựa trên cơ sở hạch toán, đem lại hiệu quả cao, sử dụng tốt hơn các đòn bẩy tổng phát triển sản xuất. Người chủ trương và chỉ rõ các điều kiện thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Gắn liền với nguyên tắc phân phối lao động, Hồ Chí Minh bước đầu đề cập vấn đề khoán trong sản xuất, “Chế độ làm khoán là

một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng... làm khoán tốt, thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay”¹. Người cho rằng, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hoá, chính trị, kỹ thuật và chủ nghĩa xã hội cộng với khoa học chắc chắn đưa loài người đến hạnh phúc vô tận. Hồ Chí Minh rất coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo và sử dụng nhân tài.	- Trong lĩnh vực văn hoá – xã hội: Hồ Chí Minh nhấn mạnh vấn đề xây dựng con người mới. Đặc biệt, đề cao vai trò của văn hoá, giáo dục và khoa học - kỹ thuật trong xã hội xã hội chủ nghĩa.
	2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội <i>Phương châm</i> - Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ lịch sử, nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Người đề ra hai nguyên tắc có tính chất phương pháp luận: - Một là, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng phổ biến mang tính quốc tế, cần quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về xây dựng chế độ mới, có thể tham khảo, học tập kinh nghiệm của các nước anh em. Học tập kinh nghiệm của các nước tiên tiến, nhưng không được sao chép, giáo điều. - Hai là, xác định bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế, đặc điểm dân tộc, nhu cầu và khả năng thực tế của nhân dân.

- Hồ Chí Minh cho rằng, phải huy động hết tiềm năng, nguồn lực có trong dân để đem lại lợi ích cho dân. Nói cách khác, phải biến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội thành sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo. Vai trò lãnh đạo của đảng cầm quyền là tập hợp lực lượng, đề ra đường lối, chính sách để huy động và khai thác triệt để các nguồn lực của dân, vì lợi ích của quần chúng lao động. -	- Hồ Chí Minh cũng lưu ý chống việc xa rời các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin hoặc quá tuyệt đối hóa cái riêng, đặc điểm của dân tộc, chống máy móc, giáo điều khi áp dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin mà tách rời điều kiện lịch sử. Biện pháp Trên thực tế, Người đã sử dụng một số cách làm cụ thể sau: - Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo với xây dựng, lấy xây dựng làm chính. - Kết hợp xây dựng và bảo vệ, đồng thời tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền khác nhau trong phạm vi một quốc gia. - Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có kế hoạch, biện pháp, quyết tâm để thực hiện thắng lợi kế hoạch. - Trong điều kiện nước ta, biện pháp cơ bản, quyết định, lâu dài trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là đem của dân, tài dân, sức dân, làm lợi cho dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Câu hỏi ôn tập 1. Phân tích tính tất yếu khách quan, hợp quy luật của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Trình bày quan điểm Hồ Chí Minh về những đặc trưng bản chất, về bước đi và biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội . Đảng ta đã vận dụng những quan điểm	TỔNG KẾT - Con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo Tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi phải thực hiện những nội dung sau: - Về chính trị: giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Đảng phải được chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu, có hình thức tổ chức phù hợp đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ mới. Mặt

đó vào công cuộc đổi mới hiện nay như thế nào?	khác, củng cố, tăng cường vai trò của nhà nước. Phải xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Về kinh tế: Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ chế quản lí kinh tế. Người nhấn mạnh việc tăng gia sản xuất gắn với tiết kiệm không ngừng nâng cao năng suất lao động trên cơ sở tiến hành công nghiệp hóa. - Về Văn hóa – xã hội: Người nhấn mạnh đến vấn đề con người mới: Muốn có chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển của CNXH. Muốn xây dựng CNXH nhất định phải có học thức, cần phải học cả văn hóa, chính trị, kĩ thuật. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới. - Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: Độc lập cho dân tộc, dân chủ cho nhân dân, cơm no áo ấm cho mọi người dân Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. - Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, biết cách sử dụng các thành tựu của loài
---	--

	người phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là thành tựu khoa học – công nghệ hiện đại làm cho tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với sự tiến bộ, công bằng xã hội, sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức, tinh thần. - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy mạnh mẽ tất cả các nguồn lực, trước hết là nội lực để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với phát triển kinh tế tri thức; - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; - Chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh, làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thực hiện cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội.
--	--

CHƯƠNG 4

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

I. Mục đích

- Làm cho người học nắm được những quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò, và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh;
- Thấy được những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản. Nhằm củng cố niềm tin khoa học vào Đảng, vào chế độ, để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở Việt Nam hiện nay.

II. Yêu cầu

- Làm rõ cơ sở khoa học, nội dung quan niệm của Hồ Chí Minh về:
- + Vai trò, và bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- + Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh;
- + Thấy được sáng tạo của Hồ Chí Minh về tổ chức, xây dựng Đảng Cộng sản;
- + Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng ở nước ta.

III. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
- Trong bài Thường thức chính trị viết năm 1953, Hồ Chí Minh cho rằng, Đảng kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với chủ nghĩa Mác-Lênin. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng, Hồ Chí Minh viết bài Ba mươi năm hoạt động của Đảng, trong đó chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930. Đây chính là một quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam. - Hồ Chí Minh thấy rõ vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam và đối với quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, Người cũng đánh giá cao vị trí, vai	I. QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ VÀ BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam: Chủ nghĩa Mác – Lênin + phong trào công nhân + phong trào yêu nước => Đây chính là một quan điểm quan trọng của Hồ Chí Minh về sự hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam. -

trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam trong sắp xếp lực lượng cách mạng.

- Hồ Chí Minh chỉ rõ đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Vì giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chủ nghĩa tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới.

- Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, sở dĩ giai cấp công nhân Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam vì: Giai cấp công nhân có chủ nghĩa Mác-Lênin. Trên nền tảng đấu tranh, họ xây dựng nên Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin

- Nhưng, tại sao Hồ Chí Minh lại nêu thêm yếu tố phong trào yêu nước, là một trong ba yếu tố kết hợp dẫn đến việc hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam?

- Điều này do những nguyên nhân sau:

- Một là, phong trào yêu nước có vị trí, vai trò cực kỳ to lớn trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là giá trị tinh thần trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam có vai trò cực kỳ to lớn và là nhân tố chủ đạo quyết định sự nghiệp chống ngoại xâm của dân tộc ta. Phong trào yêu nước có trước phong trào công nhân.

- Hai là, phong trào công nhân kết hợp được với phong trào

yêu nước bởi vì hai phong trào đó đều có mục tiêu chung. Khi giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và có phong trào đấu tranh, thì phong trào công nhân kết hợp được ngay từ đầu và liên tục với phong trào yêu nước. Cơ sở của vấn đề kết hợp giữa hai phong trào này là do xã hội nước ta tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc và tay sai.

- Vì vậy, giữa hai phong trào này đều có một mục tiêu chung, yêu cầu chung: giải phóng dân tộc, làm cho Việt Nam được hoàn toàn độc lập, xây dựng đất nước hùng cường.

- Ba là, phong trào nông dân kết hợp với phong trào công nhân. Nói đến phong trào yêu nước Việt Nam, phải kể đến phong trào nông dân. Đầu thế kỷ XX, nông dân Việt Nam chiếm tới khoảng hơn 90% dân số. Giai cấp nông dân là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân. Đầu thế kỷ XX, do điều kiện lịch sử chi phối, không có công nhân nhiều đời mà họ xuất thân trực tiếp từ người nông dân nghèo. Do đó, giữa phong trào công nhân và phong trào nông dân có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Bốn là, phong trào yêu nước của trí thức Việt Nam là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự kết hợp các yếu tố cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam, đầu thế kỷ XX, một trong những nét nổi bật là sự bùng phát của các tổ chức yêu nước

mà thành viên và những người lãnh đạo tuyệt đại đa số là trí thức. Với một bầu nhiệt huyết, yêu nước, thương nòi, căm giận bọn cướp nước và bán nước, họ rất nhạy cảm với thời cuộc, do vậy, họ chủ động và có cơ hội đón nhận những “luồng gió mới” về tư tưởng của tất cả các trào lưu trên thế giới dội vào Việt Nam.	
- Trong cuốn Đường cách mệnh xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh viết: “Cách mệnh trước hết phải có cái gì? Trước hết phải có Đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy”¹¹. Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn khỏi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng.	2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam - Hồ Chí Minh khẳng định: “Lực lượng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi”, giai cấp mà không có Đảng lãnh đạo thì không làm cách mạng được. - Cách mạng là cuộc đấu tranh rất gian khổ. Lực lượng kẻ địch rất mạnh. Muốn thắng lợi thì quần chúng phải tổ chức rất chặt chẽ; chí khí phải kiên quyết. Vì vậy, phải có Đảng để tổ chức và giáo dục nhân dân thành một đội quân thật mạnh, để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền. “Cách mạng thắng lợi rồi quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo”¹². - Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thực tế lịch sử chứng minh, không có một tổ chức chính trị nào có thể thay thế được. Mọi mưu toan nhằm hạ thấp hoặc nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đều xuyên tạc thực tế lịch sử cách mạng dân tộc ta, trái với mặt lý luận lẫn thực tiễn, đều đi ngược lại xu thế phát triển của xã hội Việt Nam.
- Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ	3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam

¹¹ Sdd. T2, tr. 267-268

¹² Sdd. T7, tr. 228-229

II của Đảng (2-1951) khi đất nước đang tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Người khẳng định: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho nên nó phải là Đảng của cả dân tộc Việt Nam”¹³. - Năm 1953, Hồ Chí Minh viết: “Đảng Lao động là tổ chức cao nhất của giai cấp cần lao và đại biểu cho lợi ích của cả dân tộc” và “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân”¹⁴; - Năm 1957, Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc; - Trong thời kỳ miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội 1961, Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Năm 1965, Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong, là bộ tham mưu của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của cả dân tộc; -	- Hồ Chí Minh đã kết luận: Đảng Cộng sản Việt Nam là “Đảng của giai cấp công nhân, đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam”. Đây cũng là luận điểm mới bổ sung vào học thuyết về Đảng Cộng sản của Hồ Chí Minh. - Bản chất giai cấp công nhân của Đảng, giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo cách mạng. - Nông dân tuy chiếm số đông nhưng do tính phân tán, tư hữu và hệ tư tưởng nông dân chỉ đại diện cho những gì đã qua nên không thể lãnh đạo cách mạng. - Chỉ chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thì nông dân mới thành lực lượng to lớn nhất của cách mạng. - Quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh về bản chất giai cấp của Đảng là Đảng ta mang bản chất giai cấp công nhân. - Hồ Chí Minh khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng ta dựa trên cơ sở thấy rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam, tuy có số lượng ít so với dân số nhưng có đầy đủ phẩm chất và năng lực lãnh đạo đất nước thực hiện những mục tiêu của cách mạng. Còn các giai cấp, tầng lớp khác chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trở thành đồng minh của giai cấp công nhân. - Bản chất giai cấp của Đảng là bản chất giai cấp công nhân mà còn là Đảng của nhân dân lao động và của toàn dân tộc có ý nghĩa lớn đối với cách mạng Việt Nam. Đảng đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc cho nên nhân dân Việt Nam coi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của chính mình. Trong thành phần của mình,
---	--

¹³ Sdd. t. 6, tr. 175.

¹⁴Sdd. T7, tr. 230-231

	ngoài công nhân, còn có những người ưu tú trong giai cấp nông dân, trí thức và cách thành phần khác. Đảng ta cũng đã khẳng định rằng, để đảm bảo và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, Đảng luôn luôn gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc trong tất cả các thời kỳ của cách mạng.
Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cách mạng ở chủ nghĩa Mác-Lênin và quyết định đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại. Là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh - người cộng sản đầu tiên của Việt Nam - đã sớm xác định độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Từ lý tưởng cao cả ấy, Hồ Chí Minh thấy cần phải có một đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào cách mạng. Chính vì vậy, từ những năm 1920 trở đi, Người tích cực chuẩn bị cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu một trang mới trong lịch sử dân tộc ta. -	4. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền a. <i>Đảng lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, trở thành Đảng cầm quyền</i> - Trong Đường cách mệnh, Người chỉ rõ: công nông là gốc cách mạng nhưng “trước phải làm cho dân giác ngộ”. Dân phải được tổ chức, được lãnh đạo thì mới trở thành lực lượng to lớn, mới là chủ, là gốc cách mạng được. Nếu dân không được tổ chức thì như đũa “mỗi nơi một chiếc”. Để thực hiện được điều đó, “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi”¹⁵. Để Đảng vững được “phải có chủ nghĩa làm cốt”¹⁶. Như vậy, Đảng không bao giờ “hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân cho giai cấp khác”. Đảng dìu dắt giai cấp vô sản, lãnh đạo cách mạng Việt Nam là để đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho toàn thể dân tộc. - Chỉ có một Đảng như thế mới có thể đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, phồn vinh cho cả đất

¹⁵ Sdd. T2, tr. 267-268

¹⁶ Sdd. T2, tr. 267-268

	nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. - Đảng đã lãnh đạo dân tộc giành chính quyền, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Đó cũng là thời điểm Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền.
- Khi có chính quyền trong tay, một vấn đề mới cực kỳ to lớn, cũng là thử thách hết sức nặng nề của Đảng là người đảng viên cộng sản không được lãng quên nhiệm vụ, mục đích của mình, phải toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân; trên thực tế, đã có một số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất trở thành “quan cách mạng”. Với chủ tịch Hồ Chí Minh, “độc lập – Tự do – Hạnh phúc” là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là điểm xuất phát để xây dựng Đảng ta xứng với danh hiệu “Đảng cầm quyền”. - Khi chưa có chính quyền, nhiệm vụ chính trong các cuộc đấu tranh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là lật đổ chính quyền bè lũ thực dân và phong kiến, thiết lập chính quyền nhân dân. Phương thức lãnh đạo, công tác chủ yếu của Đảng là giáo dục, thuyết phục, vận động tổ chức quần chúng, đưa quần chúng vào đấu tranh giành chính quyền. - Đó là mục đích, lý tưởng cao cả không bao giờ thay đổi trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chỉ rõ: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới”¹⁷. Khi trở thành Đảng cầm quyền, mục đích, lý tưởng đó không những không thay đổi mà còn có thêm những	b. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền - “Đảng cầm quyền” là khái niệm dùng trong khoa học chính trị, chỉ một đảng chính trị đại diện cho một giai cấp đang nắm giữ và lãnh đạo chính quyền để điều hành, quản lý đất nước nhằm thực hiện lợi ích của giai cấp mình. - Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mục đích, lý tưởng của Đảng là giải phóng giai cấp, giải phóng con người, xây dựng cuộc sống ấm no cho nhân dân và tiến lên chủ nghĩa xã hội. - Mục đích, lý tưởng của Đảng cầm quyền: theo Hồ Chí Minh, Đảng ta không có ích lợi nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

¹⁷ Sdd. T11, tr. 372

điều kiện và sức mạnh nhằm hiện thực hóa mục đích, lý tưởng ấy.

- Đảng Cộng sản Việt Nam “là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Xác định “người lãnh đạo” là xác định quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với toàn xã hội và khi có chính quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước. Đối tượng lãnh đạo của Đảng là toàn thể quần chúng nhân dân trong toàn dân tộc, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no và hạnh phúc cho nhân dân - mà trước hết là quần chúng nhân dân lao động. Nhưng muốn lãnh đạo được nhân dân lao động, trước hết Đảng phải có tư cách, phẩm chất, năng lực cần thiết. Vì “quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức” và “chỉ trong đấu tranh và công tác hàng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”¹⁸.

Đảng là người lãnh đạo, nhưng Hồ Chí Minh cũng chỉ rất rõ: Đảng phải sâu sát, gắn bó mật thiết với nhân dân, lắng nghe ý kiến của dân, khiêm tốn học hỏi nhân dân và phải chịu sự kiểm soát của nhân dân, bởi “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại với quần chúng”.

Với tư cách là người lãnh đạo, theo tư tưởng Hồ chí Minh, Đảng cũng có nghĩa bao hàm cả trách nhiệm “là người đầy tớ” của dân. Song, “đầy tớ” ở đây không có nghĩa là tôi tớ, tôi đòi hay theo đuôi quần chúng mà là tận tâm, tận lực phụng sự nhân dân nhằm đem lại các quyền và lợi ích cho nhân dân.

- *Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân;*

- *Đảng cầm quyền, dân là chủ.*

Hồ Chí Minh đã nghiên cứu kinh nghiệm, lý luận của các cuộc cách mạng trên thế giới và kết luận: “Cách mạng rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người”²⁰. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, quyền lực phải thuộc về nhân dân. Người đã đề cập xây dựng một Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, Đảng lãnh đạo cách mạng là để thiết lập và củng cố quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất, là nguyên tắc của chế độ mới, một khi xa rời nguyên tắc này, Đảng sẽ trở thành đối lập với nhân dân. Dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Đảng phải lấy “dân làm gốc”.

Mặc khác, dân muốn làm chủ thực sự thì phải theo Đảng. Mỗi người dân phải biết lợi ích và bổn phận của mình tham gia vào xây dựng chính quyền.

-

¹⁸ Sdd. T3, tr. 139

²⁰ Sdd. T2, tr. 270

Người nhấn mạnh: “Đảng phụng sự nhân dân, thì phải phụng sự cho ra trò. Nghĩa là việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân, thì phải hết sức tránh”. Người sử dụng cụm từ “đầy tớ trung thành” là để nhắc nhở và chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên trong mọi hoạt động của mình đều phải quan tâm thực sự đến lợi ích của nhân dân: “khô trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, tận tụy với công việc, gương mẫu trước nhân dân, phải thường xuyên “tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt”. Phải làm cho dân tin, dân phục để dân hết lòng ủng hộ, giúp đỡ. Mỗi cán bộ, đảng viên “đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”¹⁹.	
- Khi cách mạng gặp khó khăn, xây dựng Đảng để cán bộ, đảng viên củng cố lập trường quan điểm, bình tĩnh, sáng suốt, không tỏ ra bị động, lúng túng, bi quan. Ngay cả khi cách mạng trên đà thắng lợi cũng cần xây dựng Đảng để xây dựng những quan điểm, tư tưởng khoa học, ngăn ngừa chủ quan, tự mãn, lạc quan tếu và rơi vào căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản” – theo cách nói của Lênin. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với sự tồn tại của Đảng, còn Đảng, còn hoạt động, còn cần phải tổ chức xây dựng, chỉnh đốn. - Trước diễn biến của điều kiện khách quan, bản thân Đảng phải tự chỉnh đốn, tự đổi mới để vươn lên làm trọng trách trước giai cấp và dân tộc. Chủ trương đó vừa khẳng định đúng vị trí, vai	II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH 1. Xây dựng Đảng – Quy luật tồn tại và phát triển của Đảng - Xây dựng Đảng được Hồ Chí Minh đặt ra như một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài; - Tính tất yếu khách quan của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Hồ Chí Minh lý giải hết sức thuyết phục theo các căn cứ sau đây: - Sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo là một quá trình, bao gồm nhiều thời kì, nhiều giai đoạn; mỗi thời kì, mỗi giai đoạn có những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và những yêu cầu riêng.

¹⁹ Sdd. T4, tr. 56

trò lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện khả năng nhảy bèn làm chủ thời cuộc của người đứng đầu tổ chức Đảng. - Xây dựng chính đồn Đảng là làm cho mỗi cán bộ, đảng viên hiểu rõ, hiểu đúng và thực hành tốt quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng. Mặt khác, giúp cho cán bộ, đảng viên nhìn lại mình, phát huy mặt tốt, loại bỏ mặt xấu vốn có trong mỗi con người. - Hồ Chí Minh cho rằng, cán bộ, đảng viên không phải là thần thánh, họ là con người. Đã là con người thì ai cũng có hai mặt tốt xấu, thiện ác thường xuyên đấu tranh với nhau. Trong điều kiện môi trường tốt, nếu cán bộ, đảng viên nỗ lực tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện thì mặt tốt, mặt thiện sẽ nổi lên, đẩy lùi mặt ác, mặt xấu. Từ đó họ sẽ trở thành người tốt, làm gương cho quần chúng, có ích cho Đảng, cho cách mạng. - Người đã nhìn thấy và nhận diện rõ tính hai mặt vốn có của quyền lực: một mặt, quyền lực có sức mạnh to lớn để cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới nếu biết sử dụng đúng; mặt khác, quyền lực cũng có sức mạnh phá hoại ghê gớm nếu người nắm quyền lực bị thoái hoá, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực, lợi dụng quyền lực để lạm quyền, lộng quyền, đặc quyền, đặc lợi, biến quyền lực của nhân dân thành quyền lực của cá nhân .vv. Vì vậy, Đảng phải đặc biệt quan tâm đến việc chỉnh đốn, đổi mới để hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi và tẩy trừ mọi tệ nạn do thoái hoá, biến chất gây ra trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền nhà nước.	- Đối với toàn Đảng, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: Đảng sống trong xã hội, là một bộ phận hợp thành cơ cấu của xã hội; mỗi cán bộ, đảng viên đều chịu ảnh hưởng, tác động của môi trường xã hội, các quan hệ xã hội, cả cái tốt và cái xấu, cái tiến bộ tích cực và cái tiêu cực, lạc hậu. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện; Đảng phải thường xuyên chú ý đến việc chỉnh đốn Đảng. - Xây dựng chính đồn Đảng là cơ hội để mỗi cán bộ, đảng viên tự rèn luyện, giáo dục và tu dưỡng tốt hơn, hoàn thành các nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, đặc biệt là giữ được các phẩm chất đạo đức cách mạng tiêu biểu. - Trong điều kiện Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền, việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng lại được Hồ Chí Minh coi là công việc càng phải tiến hành thường xuyên hơn của Đảng.
- Hồ Chí Minh chỉ rõ: phải dựa vào lý luận cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Khi huấn luyện cho cán bộ cách	2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam

mạng 1925-1927, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”²¹, “chủ nghĩa” ấy là chủ nghĩa Mác-Lênin. Hồ Chí Minh đã ví chủ nghĩa Mác-Lênin như trí khôn của con người, như bàn chỉ nam định hướng cho con tàu đi là nói lên vai trò cực kì quan trọng của lý luận ấy trong tất cả các thời kì cách mạng. - Đảng muốn xây dựng đường lối chính trị đúng đắn cần phải coi trọng những vấn đề: phải dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng nó vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong từng thời kì; trong xây dựng đường lối chính trị, phải học tập kinh nghiệm của các đảng cộng sản anh em, nhưng phải tính đến những điều kiện cụ thể của đất nước và thời đại trong từng giai đoạn hoặc cả thời kì dài; để có đường lối chính trị đúng, Đảng phải thật sự là đội tiên phong dũng cảm, là bộ phận tham mưu sáng suốt của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc.	<i>a. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận</i> - Trong việc tiếp nhận và vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin, người lưu ý: + Một là, việc học tập, nghiên cứu, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin phải luôn phù hợp với từng đối tượng. + Hai là, việc vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin phải luôn phù hợp với từng hoàn cảnh, phải tránh giáo điều, đồng thời chống lại việc xa rời các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. + Ba là, trong quá trình hoạt động, Đảng ta phải chú ý học tập, kế thừa những kinh nghiệm tốt của các đảng cộng sản khác, đồng thời Đảng ta phải tổng kết kinh nghiệm của mình để bổ sung chủ nghĩa Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết nêu lên những vấn đề cơ bản nhất, trên cơ sở đó mỗi đảng vận dụng vào hoàn cảnh, điều kiện của mình. + Bốn là, Đảng ta phải tăng cường đấu tranh để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Chú ý chống giáo điều, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác-Lênin, chống lại những luận điểm sai trái, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lênin. <i>b. Xây dựng Đảng về chính trị</i> - Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng Đảng về chính trị, bao gồm: xây dựng củng cố đường lối chính trị, bảo vệ chính trị, xây dựng và thực hiện nghị quyết, xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị, củng cố lập trường chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị... Trong đó, theo Hồ Chí Minh, đường lối chính trị là một vấn đề cốt tử trong sự tồn tại và phát triển của Đảng...
---	---

²¹Sdd. T2, tr. 268

- Hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến cơ sở phải co thật chặt chẽ, có tính kỷ luật cao. Sức mạnh các tổ chức liên quan chặt chẽ với nhau; mỗi cấp độ tổ chức có chức năng, nhiệm vụ riêng. - Trong hệ thống tổ chức đảng, Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của chi bộ. Bởi vì, đối với bản thân Đảng, chi bộ là tổ chức hạt nhân, quyết định chất lượng lãnh đạo của Đảng; là môi trường tu dưỡng, rèn luyện và cũng là nơi giám sát đảng viên; chi bộ có vai trò quan trọng trong việc gắn kết giữa Đảng với quần chúng nhân dân. - Đây là nguyên tắc cơ bản trong xây dựng Đảng. Giữa “tập trung” và “dân chủ” có mối quan hệ khăng khít với nhau, Hồ Chí Minh viết: Tập trung trên nền tảng dân chủ; dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung. Hoặc, Người viết: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tư tưởng phải được tự do. Tự do là thế nào? Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra quyền tự do phục tùng chân lý”.²² - Người giải thích tập thể lãnh đạo: “Vì sao cần phải có tập thể lãnh đạo? - Vì một người dù khôn ngoan tài giỏi mấy, dù nhiều kinh nghiệm đến đâu cũng chỉ trông thấy, chỉ xem xét được một hoặc nhiều mặt của một vấn đề, không thể trông thấy và xem xét mọi mặt	- Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo chính trị của mình, chủ yếu bằng việc đề ra cương lĩnh, đường lối chiến lược, phương hướng phát triển kinh tế-xã hội cũng như sách lược và quy định những mục tiêu phát triển của xã hội theo hướng lâu dài cũng như của từng giai đoạn. <i>c. Xây dựng Đảng về tổ chức, bộ máy, công tác cán bộ</i> - Hệ thống tổ chức của Đảng - Các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng + Tập trung dân chủ + Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách + Tự phê bình và phê bình + Kỷ luật nghiêm minh, tự giác + Đoàn kết thống nhất trong Đảng
---	---

²² Sdd. T8, tr. 216

của một vấn đề. Nhiều người thì nhiều kinh nghiệm. Người thấy rõ mặt này, người thì thấy rõ mặt khác của vấn đề đó. Góp kinh nghiệm và sự xem xét của nhiều người, thì vấn đề đó được thấy rõ khắp mọi mặt. Mà có thấy rõ khắp mọi mặt, thì vấn đề ấy mới được giải quyết chu đáo, khỏi sai lầm”²³.

- Cá nhân phụ trách, Người cho rằng: “Việc gì đã được đông người bàn bạc kỹ lưỡng rồi, kế hoạch định rõ ràng rồi, thì cần phải giao cho một người hoặc một nhóm ít người phụ trách theo kế hoạch đó mà thi hành. Như thế mới có chuyên trách, công việc mới chạy. Nếu không có cá nhân phụ trách thì sẽ sinh cái tệ người này uỷ cho người kia, người kia uỷ cho người nọ, kết quả là không ai thi hành. Như thế thì việc gì cũng không xong”²⁴.

- Đối với việc thực hiện nguyên tắc này trong công tác xây dựng Đảng, phải chú ý khắc phục tệ độc đoán, chuyên quyền, đồng thời phải chống lại cả tình trạng dựa dẫm tập thể, không dám quyết đoán, không dám chịu trách nhiệm.

- Mục đích của tự phê bình và phê bình là để làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân, làm cho mọi tổ chức tốt lên, phần xấu bị mất dần đi, tức là nói đến sự vươn tới chân, thiện, mỹ. Mục đích này được quy định bởi tính tất yếu trong quá trình hoạt động của Đảng ta. Bởi vì, Đảng là một thực thể của xã hội, Đảng bao gồm các tầng lớp xã hội, đội ngũ của Đảng bao gồm những người ưu tú, nhưng trong Đảng cũng không tránh khỏi những khuyết điểm, không phải mọi người đều tốt, mọi việc đều

- Cán bộ, công tác cán bộ của Đảng

²³ Sdd. T5, tr. 504-505

²⁴ Sdd. T5, tr. 504-505

hay, mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, thang thuốc tốt nhất là tự phê bình và phê bình.

- Thái độ, phương pháp tự phê bình và phê bình được Hồ Chí Minh nêu rõ ở những điểm như: phải tiến hành thường xuyên như người ta rửa mặt hàng ngày; phải thẳng thắn, chân thành, trung thực, không nể nang, không giấu diếm và cũng không thêm bớt khuyết điểm, “phải có tình thương yêu lẫn nhau”.

- Sức mạnh của một tổ chức cộng sản và của mỗi đảng viên bắt nguồn từ ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm minh, tự giác. Tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng đòi hỏi tất cả mọi tổ chức đảng, tất cả mọi đảng viên đều phải bình đẳng trước Điều lệ Đảng, trước pháp luật của nhà nước, trước mọi quyết định của Đảng. Đồng thời, Đảng ta là một tổ chức bao gồm những người tự nguyện phấn đấu cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho nên tự giác là một yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức đảng và đảng viên. Tính nghiêm minh, tự giác đòi hỏi mỗi đảng viên phải gương mẫu trong cuộc sống, công tác.

- Sự đoàn kết thống nhất của Đảng phải dựa trên cơ sở lý luận của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin; cương lĩnh, điều lệ Đảng; đường lối, quan điểm của Đảng; nghị quyết của tổ chức đảng các cấp. Đồng thời, muốn đoàn kết thống nhất trong Đảng, phải thực hành dân chủ rộng rãi ở trong Đảng, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân và các biểu hiện tiêu cực khác, phải “sống với nhau có tình, có nghĩa”. Có đoàn kết tốt thì mới tạo ra cơ sở vững chắc để thông nhất ý chí và hành động, làm cho “Đảng ta khi

- Hồ Chí Minh đề ra một hệ thống các quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ. Người nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của cán bộ trong sự nghiệp cách mạng. Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy, là mắt khâu trung gian nối liền giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém. Người cán bộ phải có đủ đức và tài, phẩm chất và năng lực, trong đó, đức, phẩm chất là gốc.

- Hồ Chí Minh cho rằng, công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Nội dung của nó bao hàm các mắt khâu liên hoàn, có quan hệ chặt chẽ với nhau: tuyển chọn cán bộ; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ; tuyển dụng, sắp xếp bố trí cán bộ; thực hiện các chính sách đối với cán bộ.

- Xây dựng Đảng về đạo đức

- Xét về thực chất, đạo đức của Đảng ta là đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Đạo đức đó mang bản chất của giai cấp công nhân, cũng là đạo đức Mác-Lênin, đạo đức cộng sản chủ nghĩa mà nội dung cốt lõi là chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu. Vì thế, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Có đạo đức cách mạng trong sáng, Đảng ta mới lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Đó là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và cũng là tư cách số một của Đảng cầm quyền.

- Giáo dục đạo đức cách mạng là một nội dung quan trọng trong việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên. Nó gắn chặt với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức

đồng người nhưng khi tiến đánh chỉ như là một người.” -	nhằm làm cho Đảng luôn thực sự trong sạch. Câu hỏi ôn tập 1. Phân tích và làm rõ sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quan điểm về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam? 2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, bản chất của Đảng và quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm? 3. Vì sao nói xây dựng Đảng là quy luật tồn tại, phát triển của Đảng? 4. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh nội dung công tác xây dựng Đảng. Trong tình hình hiện nay, chúng ta cần đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng trên các mặt thế nào?
---	--

CHƯƠNG V

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. Mục đích bài học

- Nắm vững và hiểu sâu những nội dung cơ bản trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế
- Nắm được nội dung cơ bản trong tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh trên cơ sở đó vận dụng vào cách mạng Việt Nam cho phù hợp với từng giai đoạn cách mạng nước ta.

II. Yêu cầu

- Làm rõ cơ sở khoa học và nội dung những quan điểm của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế
- Vận dụng tư tưởng đó vào công cuộc đổi mới hiện nay của Đảng ta.

III. Nội dung

Hoạt động của giáo viên và sinh viên	Nội dung cần đạt
GV mở bài: - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế là một trong những nội dung nằm trong hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. • Giải thích các khái niệm:	1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng a. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng - Trong thời đại mới, kẻ thù của cách mạng mang tính quốc tế, rất mạnh -> muốn thành công phải có lực lượng đủ

- Đoàn kết Khái niệm “đoàn kết”: Theo “Từ điển tiếng Việt phổ thông” - Viện ngôn ngữ học, “đoàn kết” là “kết thành một khối thống nhất, cùng hành động vì một mục đích chung”²⁵ - Đoàn kết dân tộc Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, gồm 54 dân tộc anh em. Vậy đoàn kết dân tộc là tập hợp liên kết tất cả các dân tộc lại với nhau, không phân biệt đa số hay thiểu số. Mà theo tư tưởng Hồ Chí Minh tất cả các dân tộc đó được gọi chung là “dân tộc Việt Nam”. <i>? Chứng minh tính chiến lược và tình quyết định thắng lợi của vấn đề đại đoàn kết trong sự nghiệp Cách mạng Việt Nam</i> - Khái niệm “chiến lược” Theo từ điển tiếng Việt : chiến lược là một từ có nguồn gốc từ lĩnh vực quân sự, đó là phương cách để chiến thắng trong một cuộc chiến tranh, là chương trình hành động, là kế hoạch hành động để đạt được một mục tiêu cụ thể <u>Giải thích tính chiến lược:</u>	mạnh và phải xây dựng cho được khối đại đoàn kết dân tộc bền vững lâu dài - Nhân dân là lực lượng đông đảo nhưng phải được tập hợp, tổ chức mới tạo thành sức mạnh thực sự. ⇒ ĐĐKDT là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, nhất quán và lâu dài, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng Việt Nam.
---	--

²⁵ Viện ngôn ngữ học (2002), *Từ điển Tiếng Việt phổ thông*, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xuất phát từ yêu cầu cách mạng: Cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn -> lâu dài, khó khăn, phức tạp -> đoàn kết không mang tính nhất thời mà phải lâu dài, bền vững, xuyên suốt, mang tính chiến lược. <u>Chứng minh:</u> - Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên (năm 1930) của Hồ Chí Minh - Cách mạng Tháng tám 1945 thành công - Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 - Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 - Chứng minh qua 22 bài thơ chúc tết của Hồ Chí Minh <i>Chứng minh ĐĐKDT có ý nghĩa quyết định thành công của cách mạng:</i> - Hồ Chí Minh đúc rút kinh nghiệm từ thất bại của các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX - Sự thành công của các tổ chức mặt trận (Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)	
--	--

⇒ Người nêu lên những luận điểm có tính chân lý, khẳng định sức mạnh và vai trò quyết định thành công của khối đại đoàn kết dân tộc: + “đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” + đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”²⁶ + “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết Thành công, thành công, đại thành công”²⁷ + “Khi nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì ta giữ được độc lập, khi nào không đoàn kết được thì bị nước ngoài xâm lấn”²⁸	
<u>Giải thích</u> - Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) đã xác định Cách mạng Việt Nam có: lực lượng lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam; lực lượng tham gia cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước; Cách mạng Việt Nam thực hiện hai nhiệm vụ: một là đánh đổ đế quốc với mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, hai là đánh đổ phong kiến để giành ruộng đất cho	b. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của dân tộc - Đảng làm nhiệm vụ tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh nên phải đoàn kết được sức mạnh toàn dân tộc - Đảng phải cụ thể hóa thành mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng thích hợp để tập hợp quần chúng nhân dân trong thực tiễn cách mạng - Đại đoàn kết dân tộc còn là nhiệm vụ hàng đầu của

²⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 11, trang 22.

²⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 10, trang 607.

²⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 11, trang 501.

dân cày ⇒ Như vậy, trong suốt hành trình dài qua hai giai đoạn cách mạng Đảng và nhân dân Việt Nam luôn đi chung trên một con đường, đó là con đường đi đến mục tiêu độc lập cho dân tộc, tự do cho tổ quốc và ấm no hạnh phúc cho nhân dân vì vậy đoàn kết là mục tiêu, nhiệm vụ vừa của Đảng, vừa của nhân dân <u>Chứng minh:</u> - Đại hội quốc dân Tân Trào (ngày 16, 17/8/1945) - Thể hiện rõ qua tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định: <i>“Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo”</i>²⁹ - Hồ Chí Minh đã nêu rõ nhiệm vụ này trong buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam (3/3/1951), đó là <i>“đoàn kết toàn dân – phụng sự tổ quốc”</i>³⁰. - Đại đoàn kết là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng trong mọi giai đoạn cách mạng, được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách đến hoạt	cả dân tộc Việt Nam. Bởi, cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. - Đảng có sứ mệnh thức tỉnh quần chúng, tập hợp và hướng dẫn quần chúng => tổ chức họ thành khối đại đoàn kết => tạo nên sức mạnh tổng hợp
---	--

²⁹ Nhiều tác giả, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Sự Thật, 2011, trang 5.

³⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 6, trang 183.

động thực tiễn của Đảng - Xuất phát từ quan điểm này mà Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm quần chúng, phải gần dân, trọng dân và tin dân, coi sức mạnh cách mạng là ở nơi dân. Người từng nói “đễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”.	
<i>Giải thích:</i> - Khái niệm “dân” trong Tư tưởng Hồ Chí Minh: có nội hàm rất rộng lớn, bao gồm mọi con dân nước Việt, không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, già – trẻ, trai – gái, giàu – nghèo, quý – tiện. - Liên hệ với Việt Nam (là quốc gia đa dân tộc) <i>Chứng minh Cách mạng Việt Nam đã thực hiện đoàn kết toàn thể dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa</i> - Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (3/1930) - Trong Hội nghị Trung ương tám (5/1941), Hồ Chí Minh ra quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh, đồng thời viết thư kêu gọi đồng bào cả nước: “Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác	2. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc a. đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân - Mục tiêu của Cách mạng Việt Nam là giành độc lập tự do cho dân tộc, đem no hạnh phúc cho nhân dân -> mọi người dân đều phải tham gia vào cuộc đấu tranh chung. - Người đã nhiều lần nói “ đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài...ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập tổ quốc; ta còn phải thống nhất để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”. ⇒ Với tinh thần đoàn kết rộng rãi HCM đã định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình cách mạng bao gồm mọi giai cấp, dân tộc, tôn giáo (trừ bọn Việt gian phản động bán nước).

một phần trách nhiệm...Hỡi các chiến sĩ cách mạng! Giờ giải phóng đã đến. Hãy phát cao ngọn cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung”.

- Chính sách xây dựng Chính phủ Liên hiệp năm 1946
- Trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (20/12/1946) của Chủ tịch Hồ Chí Minh (phát video “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”)

- Truyền thống yêu nước, nhân nghĩa:

+ Trần Hưng Đạo đã trông cậy vào sức của toàn dân mà thắng được giặc Nguyên :*“Dựa vào sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước.”*

+ Nguyễn Trãi hết sức kính trọng khả năng sáng tạo của dân với tư tưởng là: *“Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền là dân. Lật thuyền mới biết dân như nước”*.

+ Báo cáo chính trị tại Đại hội II (2-1951) Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta từ xưa đến nay. Mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần đó lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ và to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán*

b. Điều kiện thực hiện đại đoàn kết dân tộc

- Kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc
- Đồng thời phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người
- Để thực hành đoàn kết rộng rãi cần có niềm tin vào nhân dân, xóa bỏ thành kiến, thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

nước và lũ cướp nước”. - Có lòng khoan dung, độ lượng với con người; có niềm tin vào nhân dân Người đã lấy hình tượng năm ngón tay, để nói lên sự cần thiết phải thực hiện đoàn kết: “Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn hay dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác. Nhưng thế này, thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta. Vậy ta phải khoan hồng đại lộ. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ vẻ vang”³¹.	
<u>Giải thích</u> - Đại đoàn kết dân tộc phải được thực hiện bằng sức mạnh quần chúng nhân dân có tổ chức, có lãnh đạo -> mặt trận dân tộc thống nhất là tổ chức bao trùm toàn bộ các tổ chức yêu nước. Tùy thuộc vào yêu cầu, nhiệm vụ từng thời kỳ cách	3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc a. Hình thức của khối đại đoàn kết dân tộc là mặt trận dân tộc thống nhất - Mặt trận dân tộc thống nhất là là lực lượng vật chất của khối đại đoàn kết dân tộc - Là tổ chức chính trị - xã hội, nơi quy tụ mọi tổ chức

³¹ Thư gửi đồng bào Nam bộ ngày 31/5/1946, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

mạng mà có tên gọi khác nhau: Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận liên Việt (1946), Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (1960), Mặt trận tổ quốc Việt Nam (1955, 1976) => về bản chất, nhiệm vụ, mục tiêu hoàn toàn giống nhau. - Giải thích vì sao liên minh công – nông – trí là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân? - Vì liên minh công – nông – trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân -> liên minh công – nông – trí là nền tảng của mặt trận dân tộc thống nhất - Giải thích và khẳng định Đảng cộng sản Việt Nam vừa là thành viên của mặt trận dân tộc thống nhất vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc (trên cơ sở phân tích tính chất tiên phong, mẫu mực của Đảng; các chính sách mặt trận của Đảng; nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; trung thành với tôn chỉ, mục đích của mặt trận; bảo vệ lợi ích của các thành viên	và cá nhân yêu nước - Mục tiêu hoạt động: phấn đấu vì độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc và ấm no, hạnh phúc cho nhân dân b. Một số nguyên tắc cơ bản về xây dựng và hoạt động của mặt trận dân tộc thống nhất - Mặt trận dân tộc thống nhất phải được xây dựng trên nền tảng khối liên minh công – nông – trí thức, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. - Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động trên cơ sở đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc, quyền lợi cơ bản của các tầng lớp nhân dân. - Mặt trận dân tộc thống nhất phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, bảo đảm đoàn kết ngày càng rộng rãi và bền vững. - Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đại đoàn kết chặt chẽ, lâu dài, đoàn kết thực sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
---	---

trong mặt trận). - Mở rộng: phân tích việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong tình hình hiện nay + Xây dựng tập thể đoàn kết là góp phần vào công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong thời kỳ mới + Chống lại những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù và âm mưu “diễn biến hòa bình”	
Giải thích: a. Phân tích - Sức mạnh dân tộc là gì? (là truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất chống ngoại xâm, lực lượng cách mạng là toàn dân...) - Sức mạnh thời đại là gì? (lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin, khoa học kỹ thuật – công nghệ...) <i>Chứng minh sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế:</i> - Phân tích bối cảnh thế giới qua hai giai đoạn cách mạng (trong giai đoạn thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ	II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. VAI TRÒ CỦA ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam - Hồ Chí Minh đã sớm xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. - Cách mạng Việt Nam chỉ có thể thành công và thành công đến nơi khi thực hiện đoàn kết chặt chẽ với phong trào cách mạng thế giới.

nhân dân, trong giai đoạn quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội) -
> chỉ ra sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế:

+ Chứng kiến cuộc sống cùng cực của nhân dân các nước thuộc địa -> mối tương đồng giữa các dân tộc bị áp bức: đều *“là giống người bị bóc lột”*

+ Khảo sát chủ nghĩa đế quốc -> Các nước đế quốc không hành động đơn độc mà có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc đàn áp các cuộc nổi dậy ở thuộc địa

+ Tiếp cận *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề về dân tộc và thuộc địa* của Lênin -> Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản

➔ Dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN, sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, đồng thời không quên nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình

- Trong buổi nói chuyện với đại sứ nước ta tại Liên Xô năm 1961, Hồ Chí Minh nói: *“Có sức mạnh cả nước một lòng... lại có sự ủng hộ của nhân dân thế giới, chúng ta sẽ có một sức mạnh tổng hợp cộng với phương pháp cách mạng thích hợp, nhất định cách mạng nước ta sẽ đi*

đến đích cuối cùng”³²

b. Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại mà Chủ nghĩa đế quốc, thực dân đã trở thành hiện tượng toàn cầu, là kẻ thù chung của các dân tộc bị áp bức. Thời đại đã chấm dứt thời kỳ tồn tại biệt lập giữa các quốc gia, mở ra các quan hệ quốc tế ngày càng sâu rộng => đoàn kết vì mục tiêu chung "hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

- Hồ Chí Minh đã phá thế đơn độc của cách mạng Việt Nam, Gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. củng cố và tăng cường đoàn kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới. Đấu tranh cho mục tiêu chung: hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1954), Người nói rõ hơn: “Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình. Tinh thần đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước để giữ gìn hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc... giữ gìn hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại

- Chủ nghĩa yêu nước chân chính phải được gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

- Đại đoàn kết dân tộc phải gắn liền với đại đoàn kết quốc tế.

⇒ Thực hiện đại ĐKQT vì sự nghiệp chung của nhân loại tiến bộ vì các mục tiêu cách mạng của thời đại.

³² Dẫn theo Hà Bình Nhưỡng: *Trái tim nhân ái*, tạp chí Nhà văn của Hội nhà văn Việt Nam, số 3-2000, tr . 20

ta... Đó là lập trường quốc tế cách mạng.”	
- Phong trào cộng sản và công nhân thế giới: Đây là lực lượng nòng cốt của đoàn kết quốc tế. Sự đoàn kết giai cấp vô sản quốc tế đảm bảo thắng lợi vững chắc cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. - Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc: Phát hiện âm mưu chia rẽ dân tộc của các nước đế quốc nhằm gây chia rẽ và tạo sự thù ghét giữa các dân tộc từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã kiến nghị với Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản: <i>“Làm sao cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”</i>³³. - Các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa	2. LỰC LƯỢNG ĐOÀN KẾT VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC a. Các lực lượng cần đoàn kết - Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế - lực lượng nòng cốt của đoàn kết QT - Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc - Các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình, dân chủ, tự do và công lý trên thế giới

³³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, CD – Room, Chính trị Quốc gia, 2009, Hà Nội, tập 2, tr. 124.

binh, dân chủ, tự do và công lý trên thế giới: Hồ Chí Minh gắn cuộc đấu tranh vì độc lập ở Việt Nam với mục tiêu bảo vệ hoà bình, tự do, công lý và bình đẳng để tập hợp và tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiên bộ trên thế giới. Người tuyên bố: “<i>Chính sách ngoại giao của Chính phủ... là thân thiện với tất cả các nước dân chủ trên thế giới để gìn giữ hoà bình</i>”³⁴. <u>Phân tích:</u> - sự kiện năm 1924, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm về thành lập “<i>Mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa</i>” chống chủ nghĩa đế quốc. - Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào - Cơ sở cho sự ra đời của Mặt trận nhân dân Á-Phi đoàn kết với Việt Nam - Xây dựng các quan hệ với Mặt trận dân chủ và lực lượng đồng minh chống Phát xít => Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.	b. Hình thức tổ chức - Đoàn kết trên cơ sở xây dựng mặt trận giữa ba nước Đông Dương - Xây dựng mặt trận trong phe dân chủ - Xây dựng mặt trận các lực lượng tiên bộ
	3. NGUYÊN TẮC ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích,

³⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, tr. 30.

	có lý, có tình - Phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. - Đây là vấn đề cốt tử có tính nguyên tắc trong công tác tập hợp lực lượng b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường
--	---

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

I. Mục đích

Làm cho người học nắm được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về dân chủ; về Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Thấy được những sáng tạo của Hồ Chí Minh về Nhà nước. Nhằm củng cố niềm tin khoa học vào Đảng, vào chế độ, để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

II. Yêu cầu

Làm rõ cơ sở khoa học và nội dung những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Thấy được yêu cầu khách quan và những nội dung cơ bản của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đảm bảo dân chủ, trong công tác xây dựng Nhà nước ở nước ta.

III. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Nêu sơ lược quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ: Hồ Chí Minh quan niệm dân chủ nghĩa là “dân là chủ”. Khi xác định như thế, có lúc Hồ Chí Minh đem quan niệm “dân là chủ” đối lập với quan niệm “quan chủ”. Đây là quan niệm được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn gọn, rõ, đi thẳng vào bản chất của khái niệm trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Mở rộng theo ý đó, Hồ Chí Minh còn cho rằng: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”, “chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”. “nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”.	I. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC THỂ HIỆN QUYỀN LÀ CHỦ VÀ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN 1. Nhà nước của dân - Quan điểm nhất quán Hồ Chí Minh là xác lập tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. (thể hiện trong các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959). - Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các đại biểu, uỷ quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây là thuộc về chế độ dân chủ đại diện

Nói tóm lại, quan niệm Hồ Chí Minh về dân chủ được biểu đạt qua hai mệnh đề ngắn gọn: “dân là chủ” và “dân làm chủ”. Khi biểu đạt như thế, chúng ta có thể hiểu rằng, dân là chủ, nghĩa là đề cập vị thế của dân; còn dân làm chủ, nghĩa là đề cập năng lực và trách nhiệm của dân. Cả hai vế này luôn luôn đi đôi với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của dân.	bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp. Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nào nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, muốn bảo đảm được tính chất nhân dân của Nhà nước, phải xác định được và thực hiện được trách nhiệm của cử tri và đại biểu do cử tri bầu ra. Cử tri và đại biểu cử tri bầu ra phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau do bản chất của cơ chế này quy định. Và, khi không hoàn thành nhiệm vụ với tư cách là người đại biểu của cử tri thì cử tri có quyền bãi miễn tư cách đại biểu.
	2. Nhà nước do dân Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng Nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: Việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”. Quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam mới, nhân dân có đủ điều kiện, cả về pháp luật và thực tế, để tham gia quản lý nhà nước. Người nêu rõ quyền của dân, Nhà nước do dân tạo ra và nhân dân tham gia quản lý là ở chỗ: - Toàn bộ công dân bầu ra Quốc hội – cơ quan quyền lực

	cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. - Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ (nay gọi là Chính phủ). - Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật. - Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của dân (thông qua Quốc hội do dân bầu ra).
	3. Nhà nước vì dân - Nhà nước vì dân là một nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất cứ một đặc quyền, đặc lợi nào. - Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Dân là gốc của nước. - Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: Phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành. - Một nhà nước vì dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải “làm quan cách mạng” để “đè đầu cuỡi cổ nhân dân”. - Đối với chức vụ Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh

	cũng quan niệm là do dân uỷ thác cho và như vậy phải phục vụ nhân dân, tức là làm đầy tớ cho nhân dân.
Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng bản chất giai cấp của Nhà nước ta là bản chất giai cấp công nhân vì: Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện. Do đó nhà nước là sản phẩm tất yếu của một xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang một bản chất của giai cấp nhất định, không có một nhà nước nào là phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp. Như vậy, không phải lịch sử nhân loại xuất hiện là có nhà nước ngay và nhà nước không phải tồn tại mãi mãi. Trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy, chưa xuất hiện nhà nước vì chưa có giai cấp. Trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản văn minh (giai đoạn cao) thì giai cấp dần dần không còn, và đồng thời với quá trình đó là nhà nước của giai cấp cũng tự tiêu vong.	II. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI TÍNH NHÂN DÂN VÀ TÍNH DÂN TỘC CỦA NHÀ NƯỚC 1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước - Bản chất giai cấp của nhà nước ta được Người xác định: “Nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo” - Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân” hiểu theo nghĩa nhà nước phi giai cấp. Nhà nước bao giờ và ở đâu cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. - Nhà nước Việt Nam mới, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Vì: - + Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo; + Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước. + Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở

	nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.
Sau cách mạng tháng Tám ta đã thành lập chính phủ lâm thời. Người đã nói: Chính phủ lâm thời của các chú còn đở quá, và người yêu cầu rút bớt các thành viên cộng sản ra. Năm 1945, để có sự hợp tác chặt chẽ với mọi đảng phái, Người đã đề nghị mở rộng mặt trận lâm thời thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời, cử Nguyễn Hải Thần làm Phó chủ tịch và nhường thêm hai chức bộ trưởng cho Việt Nam Quốc dân Đảng. Người nhường 70 ghế cho người của Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội và Việt Nam Quốc dân Đảng không qua bầu cử là một sách lược mềm dẻo. Sau khi quân Tưởng rút về nước, được Quốc hội ủy nhiệm lập Chính phủ Người nói: “Chính phủ này là chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Bắc, Trung, Nam tham gia”³⁵.	2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa các vấn đề giai cấp - dân tộc trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới, Người đã giải quyết hài hoà, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc và được biểu hiện rõ trong những quan điểm sau: + Nhà nước dân chủ mới của ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ với sự hy sinh xương máu của nhiều thế hệ cách mạng; + Tính thống nhất của nó còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản; + Trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

³⁵ Sdd. t.4 , tr. 430.

Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6 – 1 – 1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu trực tiếp và bỏ phiếu kín và lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như đầu tiên ở Đông Nam Châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2 – 3 – 1946, Quốc hội Khóa I đã họp Phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.	III. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC PHÁP LÝ MẠNH MẼ 1. Xây dựng một Nhà nước hợp hiến, hợp pháp 2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống - Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. - Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới.
	IV. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ 1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài 2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước 3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng
	CÂU HỎI ÔN TẬP 1. Phân tích và làm rõ quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ. 2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

	3. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về một Nhà nước của dân, do dân và vì dân ? 4. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay? Để xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải làm gì?
--	---

Chương 7

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

I. Mục đích

- Nắm được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, và xây dựng con người mới.
- Thấy được những nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng nền đạo đức cách mạng, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

II. Yêu cầu

- Làm rõ tư tưởng về vị trí, vai trò, tính chất, chức năng, quan điểm về một số lĩnh vực chính của văn hóa.
- Làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức; những chuẩn mực đạo đức cách mạng của con người Việt Nam và những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới.
- Làm rõ một số vấn đề cơ bản mà sinh viên cần học tập, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh.
- Làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới.

III. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
	I. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới a. Định nghĩa về văn hóa

⇒ Định nghĩa đã khái quát toàn diện, khắc phục được quan niệm phiến diện về văn hóa trong lịch sử và hiện tại, hoặc chỉ đề cập đến lĩnh vực tinh thần, trong văn học nghệ thuật, hoặc chỉ đề cập đến lĩnh vực giáo dục, phản ánh trình độ học vấn... - Trên thực tế, văn hóa bao gồm toàn bộ những giá vật chất và những giá trị tinh thần mà loài người sáng tạo ra, nhằm đáp ứng sự sinh tồn và cũng là mục đích cuộc sống của loài người.	Khái niệm “văn hóa”, Người viết: <i>“Vĩ lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”</i>
⇒ Như vậy, ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến văn hóa, đã thấy rõ vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống xã hội. Điều này cắt nghĩa vì sao ngay sau khi giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã bắt tay vào việc xây dựng, kiến tạo một nền văn hóa mới	b. Quan điểm về xây dựng một nền văn hóa mới Cùng với định nghĩa về văn hóa, Hồ Chí Minh còn đưa ra năm điểm lớn định hướng cho việc xây dựng nền văn hóa dân tộc: 1. Xây dựng tâm lý: Tinh thần độc lập tự cường; 2. Xây dựng luân lý: Biết hi sinh mình, làm lợi cho quần chúng; 3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân; 4. Xây dựng chính trị: dân quyền; 5. Xây dựng kinh tế.
	2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá a. Quan điểm về vị trí và vai trò của văn hoá trong đời sống xã hội - Một là, văn hoá là đời sống tinh thần, thuộc kiến trúc

	thượng tâng; - Hai là, văn hoá không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị, phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế;
	b. Quan điểm về tính chất của nền văn hoá - Tính dân tộc; - Tính khoa học; - Tính đại chúng.
Như vậy, Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa kiệt xuất bởi vì tất cả các phương diện đều đạt tới đỉnh cao: + Về trí tuệ, Hồ Chí Minh là người uyên thông Đông, Tây, Kim Cổ, tài năng mọi lĩnh vực: chính trị, văn hóa – xã hội. + Về tình cảm, Hồ Chí Minh có một trái tim nồng hậu yêu nhân dân và đồng loại. Chủ nghĩa yêu nước kết hợp với quốc tế vô sản, Người đã lo lắng đến vận mệnh cho dân tộc và nhân loại + Về hành động, Hồ Chí Minh là người đại trí, đại nhân, đại dũng, nghị lực phi thường, đầu óc sáng tạo. + Về đời sống riêng tư, Hồ Chí Minh đã theo đuổi hoài bão lớn của nhân loại, sống cuộc đời thanh bạch, gần gũi với nhân dân, gắn bó với xã hội, luôn luôn tu dưỡng bản thân.	c. Quan điểm về chức năng của văn hóa - Một là, bồi dưỡng tư tưởng đúng đắn và những tình cảm cao đẹp; - Hai là, mở rộng hiểu biết, nâng cao dân trí; - Ba là, bồi dưỡng những phẩm chất, phong cách; hướng con người đến chân, thiện, mỹ để hoàn thiện bản thân. ⇒ Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Phải làm thế nào cho văn hoá thấm sâu vào tâm lý quốc dân, nghĩa là văn hoá phải sửa đổi được những tham nhũng, lười biếng, phù hoa xa xỉ; văn hoá phải soi đường cho quốc dân
	3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá a. Văn hoá giáo dục b. Văn hóa văn nghệ

	- Một là, văn hoá –văn nghệ là một mặt trận, nghệ sĩ là chiến sĩ, tác phẩm văn nghệ là vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng; - Hai là, văn nghệ phải gắn với thực tiễn của đời sống nhân dân; - Ba là, có những tác phẩm xứng đáng với thời đại của đất nước và dân tộc. c. Văn hóa đời sống - Đạo đức mới - Lối sống mới - Nếp sống mới
- Khi đánh giá vai trò của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh coi đạo đức là nguồn nuôi dưỡng, phát triển con người. Đạo đức là nền tảng của người cách mạng, cũng giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có	II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức a. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức - Khái niệm “đạo đức”: Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.. - Đạo đức là gốc của người cách mạng; - Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã

gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân.”³⁶.	hội; ⇒ Vai trò của đạo đức thể hiện ngay ở tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh có sức hấp dẫn lớn lao với nhân dân Việt Nam và cả nhân dân thế giới, cổ vũ, động viên nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới đoàn kết đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
<i>Trung với nước</i> là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước; là suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng. <i>Hiếu với dân</i> thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng. Để làm được như vậy, phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân, phải dựa vào dân và lấy dân làm gốc. Đối với cán bộ lãnh đạo, Hồ Chí Minh yêu cầu phải nắm vững dân tình, hiểu rõ dân tâm, thường xuyên quan tâm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí. Yêu thương con người được Hồ Chí Minh xác định là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người nói, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà chấp nhận mọi gian khổ hy sinh để đem lại độc lập, tự do,	b. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng - Trung với nước, hiếu với dân; - Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Cần: là siêng năng chăm chỉ; lao động có kế hoạch, có hiệu quả, có năng suất cao với tinh thần tự lực cánh sinh. Kiệm: là tiết kiệm (tiết kiệm thời gian, công sức, của cải...) của nước, của dân; không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, không phô trương hình thức, không liên hoan, chè chén lu bù. Liêm: là luôn tôn trọng của công và của dân. Phải trong sạch, không tham lam tiền của địa vị danh tiếng. Chính: là thẳng thắn, đứng đắn Chí công vô tư: là công bằng, công tâm, không thiên tư, thiên vị; làm việc gì cũng không nghĩ đến mình trước, chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ cá nhân chủ nghĩa. - Thương yêu con người, sống có tình nghĩa - Có tinh thần quốc tế trong sáng.

³⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr. 203

com no áo ấm và hạnh phúc cho con người.	
	c. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới - Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức; - Xây đi đôi với chống; - Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời.
	2. Sinh viên học tập và làm theo, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh a. Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - Xác định đúng vị trí, vai trò của đạo đức đối với cá nhân - Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh b. Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Thực trạng đạo đức lối sống trong sinh viên hiện nay - Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
	III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người a. Con người được nhận thức như một chỉnh thể b. Con người cụ thể, lịch sử c. Bản chất con người mang tính xã hội

Câu hỏi ôn tập, thảo luận 1. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về trí trí, vai trò, tính chất và chức năng của văn hoá ? 2. Trình bày những nội dung chủ yếu về một số lĩnh vực chính của văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh?	2. Quan điểm về vai trò của con người và chiến lược “trồng người” a. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người - Con người là vốn quý nhất, nhân tố quyết định thành công của cách mạng; - Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng; phải coi trọng, chăm sóc, phát huy nhân tố con người b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chiến lược “trồng người” - “Trồng người” là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cách mạng; - “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”; - Chiến lược “trồng người” là một trọng tâm, một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.
---	--

Chương 6

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ DÂN CHỦ VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN

1. Mục đích

Làm cho người học nắm được những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về dân chủ; về Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Thấy được những sáng tạo của Hồ Chí Minh về Nhà nước. Nhằm củng cố niềm tin khoa học vào Đảng, vào chế độ, để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

2. Yêu cầu

Làm rõ cơ sở khoa học và nội dung những quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Thấy được yêu cầu khách quan và những nội dung cơ bản của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong đảm bảo dân chủ, trong công tác xây dựng Nhà nước ở nước ta.

3. Phương pháp tiếp cận

4. Phương pháp thực hiện

5. Nội dung

HOẠT ĐỘNG CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Khái niệm chung: Nguồn gốc, xu thế sử dụng - Khái niệm dân chủ trong khoa học chính trị - Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ: Hồ Chí Minh quan niệm dân chủ nghĩa là “dân là chủ”. Khi xác định như thế, có lúc Hồ Chí Minh đem quan niệm “dân là chủ” đối lập với quan niệm “quan chủ”. Đây là quan niệm được Hồ Chí Minh diễn đạt ngắn gọn, rõ, đi thẳng vào bản chất của	V. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC THỂ HIỆN QUYỀN LÀ CHỦ VÀ LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN 4. Nhà nước của dân - Quan điểm nhất quán Hồ Chí Minh là xác lập tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. (thể hiện trong các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959). - Nhân dân lao động làm chủ Nhà nước thì dẫn đến một hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát Nhà nước, cử tri bầu ra các

khái niệm trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Mở rộng theo ý đó, Hồ Chí Minh còn cho rằng: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”, “chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”. “nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”. Nói tóm lại, quan niệm Hồ Chí Minh về dân chủ được biểu đạt qua hai mệnh đề ngắn gọn: “dân là chủ” và “dân làm chủ”. Khi biểu đạt như thế, chúng ta có thể hiểu rằng, dân là chủ, nghĩa là đề cập vị thế của dân; còn dân làm chủ, nghĩa là đề cập năng lực và trách nhiệm của dân. Cả hai vế này luôn luôn đi đôi với nhau, thể hiện vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của dân.	đại biểu, uỷ quyền cho các đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế dân sinh. Đây là thuộc về chế độ dân chủ đại diện bên cạnh chế độ dân chủ trực tiếp. Quyền làm chủ và đồng thời cũng là quyền kiểm soát của nhân dân thể hiện ở chỗ nhân dân có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nào nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, muốn bảo đảm được tính chất nhân dân của Nhà nước, phải xác định được và thực hiện được trách nhiệm của cử tri và đại biểu do cử tri bầu ra. Cử tri và đại biểu cử tri bầu ra phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau do bản chất của cơ chế này quy định. Và, khi không hoàn thành nhiệm vụ với tư cách là người đại biểu của cử tri thì cử tri có quyền bãi miễn tư cách đại biểu.
	5. Nhà nước do dân Nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh nhiệm vụ của những người cách mạng phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng Nhà nước của mình. Hồ Chí Minh khẳng định: Việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”. Quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam mới, nhân dân có đủ điều kiện, cả về pháp luật và thực tế, để tham gia quản lý nhà nước. Người nêu rõ quyền của dân, Nhà

	nước do dân tạo ra và nhân dân tham gia quản lý là ở chỗ: - Toàn bộ công dân bầu ra Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. - Quốc hội bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ (nay gọi là Chính phủ). - Hội đồng Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội và chấp hành pháp luật. - Mọi công việc của bộ máy nhà nước trong việc quản lý xã hội đều thực hiện ý chí của dân (thông qua Quốc hội do dân bầu ra).
	6. Nhà nước vì dân - Nhà nước vì dân là một nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác. Đó là một nhà nước trong sạch, không có bất cứ một đặc quyền, đặc lợi nào. - Trên tinh thần đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; việc gì có lợi cho dân dù nhỏ cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân dù nhỏ cũng cố gắng tránh. Dân là gốc của nước. - Hồ Chí Minh luôn luôn tâm niệm: Phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành. - Một nhà nước vì dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải “làm quan cách

	mạng” để “đề đầu cưới cổ nhân dân”. - Đối với chức vụ Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng quan niệm là do dân uỷ thác cho và như vậy phải phục vụ nhân dân, tức là làm đầy tớ cho nhân dân.
Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng bản chất giai cấp của Nhà nước ta là bản chất giai cấp công nhân vì: Nhà nước là một phạm trù lịch sử, nó chỉ ra đời và tồn tại khi giai cấp và đấu tranh giai cấp xuất hiện. Do đó nhà nước là sản phẩm tất yếu của một xã hội có giai cấp, nó bao giờ cũng mang một bản chất của giai cấp nhất định, không có một nhà nước nào là phi giai cấp, không có nhà nước đứng trên giai cấp. Như vậy, không phải lịch sử nhân loại xuất hiện là có nhà nước ngay và nhà nước không phải tồn tại mãi mãi. Trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy, chưa xuất hiện nhà nước vì chưa có giai cấp. Trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản văn minh (giai đoạn cao) thì giai cấp dần dần không còn, và đồng thời với quá trình đó là nhà nước của giai cấp cũng tự tiêu vong.	VI. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN CHẤT GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI TÍNH NHÂN DÂN VÀ TÍNH DÂN TỘC CỦA NHÀ NƯỚC 3. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước - Bản chất giai cấp của nhà nước ta được Người xác định: “Nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo” - Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân” hiểu theo nghĩa nhà nước phi giai cấp. Nhà nước bao giờ và ở đâu cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. - Nhà nước Việt Nam mới, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Vì: - + Một là, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo; + Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước ta thể hiện ở tính định

	hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển đất nước. + Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.
Sau cách mạng tháng Tám ta đã thành lập chính phủ lâm thời. Người đã nói: Chính phủ lâm thời của các chú còn đỏ quá, và người yêu cầu rút bớt các thành viên cộng sản ra. Năm 1945, để có sự hợp tác chặt chẽ với mọi đảng phái, Người đã đề nghị mở rộng mặt trận lâm thời thành Chính phủ Liên hiệp lâm thời, cử Nguyễn Hải Thần làm Phó chủ tịch và nhường thêm hai chức bộ trưởng cho Việt Nam Quốc dân Đảng. Người nhường 70 ghế cho người của Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội và Việt Nam Quốc dân Đảng không qua bầu cử là một sách lược mềm dẻo. Sau khi quân Tưởng rút về nước, được Quốc hội ủy nhiệm lập Chính phủ Người nói: “Chính phủ này là chính phủ toàn quốc, có đủ nhân tài Bắc, Trung, Nam tham gia”³⁷.	4. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa các vấn đề giai cấp - dân tộc trong xây dựng Nhà nước Việt Nam mới, Người đã giải quyết hài hoà, thống nhất giữa bản chất giai cấp với tính nhân dân, tính dân tộc và được biểu hiện rõ trong những quan điểm sau: + Nhà nước dân chủ mới của ta ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ với sự hy sinh xương máu của nhiều thế hệ cách mạng; + Tính thống nhất của nó còn biểu hiện ở chỗ Nhà nước ta bảo vệ lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc làm cơ bản; + Trong thực tế, Nhà nước ta đã đứng ra làm nhiệm vụ của cả dân tộc giao phó, đã lãnh đạo nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh,

³⁷ Sdd. t.4 , tr. 430.

	góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.
Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi ngày 6 – 1 – 1946 với chế độ phổ thông đầu phiếu trực tiếp và bỏ phiếu kín và lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như đầu tiên ở Đông Nam Châu Á, tất cả mọi người dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình tham gia Quốc hội. Ngày 2 – 3 – 1946, Quốc hội Khoá I đã họp Phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Chính phủ liên hiệp đầu tiên. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.	VII. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CÓ HIỆU LỰC PHÁP LÝ MẠNH MẼ 3. Xây dựng một Nhà nước hợp hiến, hợp pháp 4. Hoạt động quản lý nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống - Quản lý nhà nước là quản lý bằng bộ máy và bằng nhiều biện pháp khác nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng hệ thống luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. - Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới.
	VIII. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, HOẠT ĐỘNG CÓ HIỆU QUẢ 4. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài 5. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước 6. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng
	CÂU HỎI ÔN TẬP

	1. Phân tích và làm rõ quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ. 2. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân 3. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về một Nhà nước của dân, do dân và vì dân ? 4. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay? Để xây dựng Nhà nước ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải làm gì?
--	---

cuu duong than cong . com